

Số: 1914 /QĐ-ĐHTCM

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chương trình đào tạo áp dụng cơ chế đặc thù trình độ đại học

Căn cứ Quyết định số 378/QĐ-TTg ngày 23 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án đổi mới cơ chế hoạt động của trường Đại học Tài chính – Marketing giai đoạn 2015 – 2017;

Căn cứ Quyết định số 1138/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về việc sáp nhập trường Cao đẳng Tài chính – Hải quan vào trường Đại học Tài chính – Marketing;

Căn cứ Thông tư 08/2011/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình mở ngành đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, cao đẳng;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành quy định về lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Công văn số 5444/BGDĐT-GDDH ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Áp dụng cơ chế đặc thù đào tạo các ngành thuộc lĩnh vực Công nghệ thông tin trình độ đại học;

Quyết định số 781/QĐ-ĐHTCM ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing về “Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại trường Đại học Tài chính – Marketing”;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý khoa học,

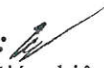
QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành các chương trình đào tạo áp dụng cơ chế đặc thù các ngành thuộc lĩnh vực Công nghệ thông tin theo hướng dẫn tại Công Văn số 5444/BGDĐT-GDDH ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Cụ thể:

1. Chuyên ngành Tin học quản lý;
2. Chuyên ngành Hệ thống thông tin kế toán;

Điều 2. Chương trình được quy định tại Điều 1 được áp dụng, thực hiện từ khóa tuyển sinh năm 2018.

Điều 3. Trưởng phòng Quản lý khoa học và Trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Ban Giám hiệu (để biết);
- Như điều 3;
- Lưu: VT, P.QLKH.

HIỆU TRƯỞNG 



TS. Hoàng Đức Long

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành: Hệ thống thông tin quản lý
(Management Information Systems – MIS)
Chuyên ngành: Hệ thống thông tin kế toán
(Accounting Information System)

Bậc đào tạo: Đại học
Hệ: Chính quy
Hình thức đào tạo: Tín chỉ
Khóa tuyển sinh: 2018

Tp.Hồ Chí Minh, Tháng 08 năm 2018

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT
(Tiếng Việt)

CSDL	Cơ sở dữ liệu
CSLT	Cơ sở lập trình
CTĐT	Chương trình đào tạo
CTDL & GT	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật
CTDL	Cấu trúc dữ liệu
CNTT	Công nghệ thông tin
DN	Doanh nghiệp
DSLK	Danh sách liên kết
ĐH	Đại học
HTTTQL	Hệ thống thông tin quản lý
HTTT	Hệ thống thông tin
HP	Học phần
HT	Hệ thống
HQTCSDL	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu
KTLT	Kỹ thuật lập trình
KHTN	Khoa học tự nhiên
LT	Lý thuyết
TH	Thực hành
TC	Tín chỉ
TT	Truyền thông
THKT	Tin học kế toán
QTKD	Quản trị kinh doanh

QTDN Quản trị doanh nghiệp

QTDA Quản trị dự án

QTDACNTT Quản trị dự án công nghệ thông tin

QH Quan hệ

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT
(Tiếng Anh)

ASP	Active Server Pages
AIS	Accounting Information Systems
BFD	Business Function Diagram
CRM	Customer Relationship Management
DFD	Data Flow Diagram
DSS	Decision Support Systems
DML	Data Manipulation Language
DDL	Data Definition Language
DBMS	Database Management Systems
ERP	Enterprise Resources Planning
ES	Expert Systems
ESS	Executive Support Systems
HTML	HyperText Markup Language
PHP	Hypertext Preprocessor
MIS	Management Information Systems
MPS	Material Requirement Planning
IT	Information Technology
IIS	Internet Information Services
LAN	Local Area Network
SOP	Sales and Operation Planning
WAN	Wide Area Network
UML	Unified Modeling Language

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tên chương trình : **Hệ thống thông tin kế toán (Accounting Information System)**
Trình độ đào tạo : **Đại học**
Ngành đào tạo : **Hệ thống thông tin quản lý (Management Information Systems)**
Mã ngành đào tạo : **7340405**
Niên khóa đào tạo : **2018 - 2022**
Loại hình đào tạo : **Chính quy – Hệ tín chỉ**

(Ban hành kèm theo quyết định số: *1444*/QĐ-ĐHTCM ngày *16/10*/2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Marketing)

1. CĂN CỨ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Văn bản pháp lý

- Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP ngày 02/11/2005 của Chính phủ về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006 – 2020;
- Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính qui theo hệ thống tín chỉ;
- Quyết định số 1755/QĐ-TTg ngày 22/09/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đưa Việt Nam sớm trở thành nước mạnh về công nghệ thông tin và truyền thông”;
- Thông tư 08/2011/TT-BGDĐT ngày 17/02/2011 Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình mở ngành đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng;
- Quyết định số 378/QĐ - TTg ngày 23/03/2015 Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với Trường Đại học Tài chính - Marketing giai đoạn 2015 – 2017;

- Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/04/2015 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và đào tạo “Ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sỹ, tiến sỹ”;
- Thông tư số 25/2016/TT-BGDĐT ngày 14/10/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc các chương trình đào tạo trình độ đại học;
- Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 15/04/2015 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin (CNTT) đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;
- Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc “Phê duyệt Khung trình độ Quốc gia Việt Nam”;
- Kế hoạch số 335/KH-ĐHTCM ngày 31/03/2017 về cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo năm 2017;
- Chỉ thị số 16/TTg ngày 14/05/2017 về việc “Tăng cường năng lực tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4”.
- Quyết định số 781/QĐ-ĐHTCM ngày 06/06/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing về “Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại trường Đại học Tài chính – Marketing”;
- Thông báo số 827/TB- ĐHTCM ngày 17/07/2017 của trường Đại học Tài Chính – Marketing về việc rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo trình độ đại học cho khóa tuyển sinh 2018;
- Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 04/05/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường năng lực tiếp cận cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ 4;

- Công văn số 1891/BGDĐT-GDĐH ngày 05/05/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo gửi các trường đại học và cao đẳng về nhiệm vụ “Đào tạo nguồn nhân lực có khả năng thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0”;
- Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc “Ban hành danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học”;
- Công văn số 5444 /BGDĐT-GDĐH ngày 16/11/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc “Áp dụng cơ chế đặc thù đào tạo các ngành thuộc lĩnh vực CNTT trình độ đại học” tại các đại học, học viện và các trường đại học giai đoạn 2017-2020 nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động và hội nhập quốc tế.

1.2. Đối tượng tham khảo

- Tham khảo chương trình đào tạo Trường Đại học Kinh tế - Luật, Trường Đại học Kinh tế Tp.HCM, Trường Đại học Mở Tp.HCM, Trường Đại học Công nghệ Thông tin – Tp.HCM, Trường Đại học Ngân Hàng Tp.HCM;
- Chương trình đào tạo của một số trường đại học nước ngoài có đào tạo ngành Hệ thống thông tin quản lý: Colorado State University, Florida State University, University of Atlanta, University of Alberta;
- Phiếu khảo sát của doanh nghiệp phần mềm: Công ty TMA Solutions, Công ty Cổ phần Phần mềm Bravo, Công ty Phần mềm NashTech, Công ty Cổ phần và Quản lý Doanh nghiệp FAST, Công ty Cổ phần Phần mềm ROSY, Công ty TNHH Giải pháp Doanh nghiệp Toàn cầu (GESO), Công ty Logigear, Công ty Cổ phần Fujinet Systems, Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ S Factors, Trung tâm ISC Quang Trung, Công ty Bosch Việt Nam, Công ty Cổ phần Tư vấn và Đào tạo SmartPro,...;
- Phiếu khảo sát ý kiến của cựu sinh viên.

1.3. Quá trình xây dựng chương trình đào tạo

- Căn cứ biên bản họp Hội đồng khoa học khoa Công nghệ thông tin ngày 02/01/2018 về việc xây dựng đề án đào tạo đặc thù nguồn nhân lực nhóm ngành công nghệ thông tin.

- Hội thảo "Đào tạo nhân lực công nghệ thông tin theo cơ chế đặc thù thích ứng với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0" tổ chức tháng 04/2018 và góp ý chương trình đào tạo với 10 doanh nghiệp phần mềm tham gia góp ý.
- Căn cứ biên bản họp Hội đồng khoa học Trường Đại học Tài chính – Marketing ngày 28/11/2017 về việc đóng góp ý kiến xây dựng chương trình đào tạo khóa tuyển sinh 2018.
- Căn cứ Biên bản họp góp ý “Xây dựng chương trình đào tạo đặc thù” ngày 11/06/2018 của Khoa Công nghệ Thông tin.
- Căn cứ các biên bản họp Tổ bộ môn ngày 18/08/2018 về việc xây dựng chương trình đào tạo các chuyên ngành trong đề án đào tạo đặc thù.
- Căn cứ biên bản họp Hội đồng Khoa học cấp khoa ngày 22/08/2018 về xây dựng chương trình đào tạo chuyên ngành Tin học quản lý và Hệ thống thông tin kế toán.

2. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo nhân lực về hệ thống thông tin kế toán thuộc nhóm ngành công nghệ thông tin có bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất đạo đức trong sáng, có lối sống lành mạnh, có sức khỏe tốt thích ứng cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 với các kiến thức được trang bị về kế toán, kinh tế, quản trị, ngoại ngữ, công nghệ thông tin và hệ thống thông tin kế toán; có kiến thức chuyên sâu về kế toán, hệ thống thông tin và ngôn ngữ lập trình; có kỹ năng thực hành thành thạo nghiệp vụ kế toán với công cụ phân tích và phần mềm chuyên ngành; có khả năng hoạch định, đề xuất giải pháp, triển khai và quản trị các hệ thống thông tin kế toán tại công ty phần mềm, tổ chức và doanh nghiệp; sinh viên sẽ được học với các chuyên gia và thời gian đào tạo tại doanh nghiệp chiếm 30% tổng thời gian đào tạo.

2.2. Mục tiêu về kiến thức chuyên môn

- **Khởi kiến thức giáo dục đại cương:** cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, xã hội nhân văn, kinh tế, quản trị học, ngoại ngữ, kiến thức nền tảng về công nghệ thông tin và quản trị hệ thống thông tin.

- **Khối kiến thức chuyên ngành:** cung cấp kiến thức chuyên sâu phân tích, thiết kế, mô hình hóa, quản trị hệ thống thông tin; kiến thức chuyên sâu về các hệ quản trị cơ sở dữ liệu liên quan đến hệ thống thông tin kế toán; an toàn và bảo mật các hệ thống thông tin và mạng máy tính; quản lý các đề án, dự án và nhóm đề án khi xây dựng và triển khai các hệ thống thông tin kế toán; các ngôn ngữ lập trình được ứng dụng trong lĩnh vực kế toán doanh nghiệp.
- **Khối kiến thức bổ trợ:** người học được tự chọn kiến thức bổ sung về lĩnh vực tài chính, kế toán.

2.3. Mục tiêu về kỹ năng chuyên môn

- Có khả năng áp dụng kiến thức nền tảng về kinh tế, quản trị, ngoại ngữ, kế toán và công nghệ thông tin vào hoạt động thực tiễn tại doanh nghiệp;
- Có khả năng áp dụng các kiến thức chuyên ngành về kế toán và hệ thống thông tin để phân tích các nghiệp vụ kế toán tại doanh nghiệp;
- Có năng lực thu thập, xử lý và tổng hợp thông tin liên quan đến các nghiệp vụ kế toán tại doanh nghiệp;
- Có năng lực sử dụng các kỹ thuật, kỹ năng và các công cụ phần mềm để phân tích và thiết kế hệ thống thông tin kế toán tại doanh nghiệp
- Có khả năng phân tích và đề xuất các giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin để giải quyết các bài toán liên quan đến lĩnh vực kế toán trong thực tiễn nhằm đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp;
- Có năng lực thiết kế các giải pháp bảo mật và an toàn thông tin kế toán tại doanh nghiệp;
- Có năng lực nghiên cứu độc lập, làm việc nhóm, tư duy, sáng tạo, quản lý và điều hành khi xây dựng và triển khai hệ thống thông tin kế toán tại doanh nghiệp;
- Có năng lực ngoại ngữ đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp thích ứng cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0.

2.4. Mục tiêu về khả năng ngoại ngữ

Với đối tượng là học sinh phổ thông có trình độ phổ biến tương đương chứng chỉ A Anh văn, sinh viên được trang bị 12 tín chỉ ngoại ngữ (tương đương 180 tiết), sinh viên sau khi tốt nghiệp phải đạt chứng chỉ ngoại ngữ TOEIC 405 theo chuẩn quốc tế (IIG tổ chức thi và ETS cấp chứng chỉ).

2.5. Mục tiêu về kỹ năng mềm để làm việc hiệu quả

Để vận dụng có hiệu quả kiến thức và các kỹ năng nghề nghiệp trong công việc sau khi tốt nghiệp, sinh viên phải đạt 4 trong 8 các kỹ năng gồm:

a) Chọn 2 trong 4 kỹ năng cần cho việc học đại học

- Kỹ năng thuyết trình;
- Kỹ năng làm việc nhóm;
- Kỹ năng quản lý thời gian;
- Kỹ năng tư duy hiệu quả và sáng tạo.

b) Chọn 2 trong 4 kỹ năng cần cho việc tìm và làm việc

- Kỹ năng giao tiếp và ứng xử trong kinh doanh;
- Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định;
- Kỹ năng tìm việc;
- Kỹ năng khám phá bản thân và lập kế hoạch nghề nghiệp.

2.6. Mục tiêu về thái độ

- Có bản lĩnh và ý thức chính trị về đường lối cách mạng của Đảng và vai trò lãnh đạo của Nhà nước; có lối sống lành mạnh, tinh thần yêu nước, yêu nghề, tuân thủ pháp luật, giữ vững đạo đức nghề nghiệp;
- Có phẩm chất đạo đức, kỷ luật, ý thức về trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp và tác phong công nghiệp;

- Có ý thức tự học, tự nghiên cứu, cầu tiến, cầu thị và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để thích nghi với các môn trường làm việc khác nhau;
- Có đủ sức khỏe để học tập nâng cao trình độ, làm việc và bảo vệ tổ quốc.
- Tích cực tham gia sinh hoạt và thể hiện trách nhiệm đối với các công tác tập thể, hoạt động xã hội, văn thể mỹ của cộng đồng.

2.7. Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

- Có phẩm chất đạo đức, tính kỷ luật, luôn tự rèn luyện nâng cao năng lực chuyên môn;
- Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau;
- Có ý thức học và tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;
- Tích cực tham gia các hoạt động phong trào;
- Có ý thức tham gia các hoạt động cộng đồng và có trách nhiệm với cộng đồng;
- Có ý thức về đạo đức nghề nghiệp.

3. CÁC VỊ TRÍ CÔNG VIỆC CÓ THỂ ĐẢM NHẬN KHI TỐT NGHIỆP

- Công ty phần mềm trong và ngoài nước;
- Phòng kế toán, phòng tài vụ, phòng kế hoạch tại chính tại các tổ chức và doanh nghiệp..

4. THỜI GIAN ĐÀO TẠO

Thời gian đào tạo: 4 năm.

5. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHOẢ (Tính bằng số tín chỉ)

Gồm 120 tín chỉ, chưa tính Giáo dục thể chất (4 tín chỉ), Giáo dục quốc phòng (3 tín chỉ) và các học phần kỹ năng mềm.

6. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Thực hiện theo quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy năm 2018.

7. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

7.1. Quy trình đào tạo

Theo quy định đào tạo theo học chế tín chỉ của trường ban hành tại quyết định số 283/QĐ/ĐHTCM ngày 06/03/2018 của Trường Đại học Tài chính - Marketing.

7.2. Điều kiện tốt nghiệp

- Theo quy định tại Điều 29, chương V quy định về đào tạo theo học chế tín chỉ của trường ban hành tại quyết định số 1194/QĐ/ĐHTCM-QLĐT ngày 19/07/2012, và quy định về chuẩn đầu ra của trường.
- Tích lũy đủ số học phần, số tín chỉ quy định cho chương trình đào tạo.
- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất.
- Có chứng chỉ TOEIC từ 405 trở lên hoặc tương đương (do IIG tổ chức và ETS cấp chứng chỉ quốc tế).

7.3. Khóa luận tốt nghiệp

Sinh viên viết khóa luận tốt nghiệp theo quy định ở Điều 27, chương V quy định về đào tạo theo học chế tín chỉ của trường ban hành tại quyết định số 1194/QĐ/ĐHTCM-QLĐT ngày 19/07/2012.

8. THANG ĐIỂM

Thang điểm đánh giá kết quả học tập các học phần của sinh viên theo quy định tại Điều 25, chương III quy định về đào tạo theo học chế tín chỉ của trường ban hành tại quyết định số 1194//QĐ/ĐHTCM-QLĐT ngày 19/07/2012.

9. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Ghi chú ký hiệu và diễn giải:

- + LT: lý thuyết.
- + TH: thực hành tại phòng máy của trường hoặc doanh nghiệp.
- + TH tích hợp: thực hành tích hợp thông qua bài tập nhóm, bài tập tình huống, thảo luận, thuyết trình.
- + 1 tín chỉ lý thuyết = 15 tiết

+ 1 tín chỉ lý thuyết = 1 tín chỉ thực hành tích hợp

+ 1 tín chỉ lý thuyết = 30 tiết thực hành phòng máy tính

9.1. Kiến thức giáo dục đại cương: 33 Tín chỉ

(không kể Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT			GHI CHÚ
				LT	TH	TH tích hợp	
Lý luận Mác – Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh							
1	010633	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1 (The basic Principles of Marxism-Leninism – Part 1)	2	30			
2	010634	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2 (The basic Principles of Marxism-Leninism – Part 2)	3	45			
3	010016	Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh’s Ideology)	2	30			
4	010017	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (Vietnam Communist Party’s Revolutionary Policies)	3	45			
		TỔNG	10	150			
Khoa học xã hội							

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT			GHI CHÚ
				LT	TH	TH tích hợp	
5	010018	Pháp luật đại cương (General Laws)	3	45			
		TỔNG	3	45			
Ngoại ngữ							
6	010640	Anh văn căn bản 1 (General English – Part 1)	3	45			
7	010022	Anh văn căn bản 2 (General English - Part 2)	3	45			
8	010023	Anh văn căn bản 3 (General English – Part 3)	3	45			
9	010024	Anh văn căn bản 4 (General English – Part 4)	3	45			
		TỔNG	12	180			
Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên							
10	010025	Toán cao cấp (Advanced Maths)	4	45		15	
11	010027	Tin học đại cương (Basic Informatics)	4	45	30		
		TỔNG	8	90	30	15	

STT	Mã HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT			GHI CHÚ
				LT	TH	TH tích hợp	
Giáo dục thể chất							
12		Giáo dục thể chất (Physical Training)	4				
		TỔNG	4				
Giáo dục quốc phòng							
13		Giáo dục quốc phòng (Military Training)	8				
		TỔNG	8				

9.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp87 Tín chỉ

9.2.1. Kiến thức cơ sở của khối ngành: 6 Tín chỉ

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT			GHI CHÚ
				LT	TH	TH tích hợp	
14	010031	Kinh tế vi mô 1 (Microeconomics – Part 1)	3	45			
15	010032	Kinh tế vĩ mô 1 (Macroeconomics – Part 1)	3	45			
		TỔNG	6	90			

9.2.2. Kiến thức của ngành chính

9.2.2.1. Kiến thức chung của ngành chính 24 Tín chỉ

STT	Mã HP	Tên học phần	TC	Số tiết			Ghi chú
				LT	TH	TH tích hợp	
16	010038	Nguyên lý kế toán (Principles of Accounting)	3	30		15	
17	010033	Quản trị học (Principles of Management)	3	30		15	
18	010043	Toán rời rạc (Discrete Maths)	3	30		15	
19	010045	Hệ thống thông tin quản lý (Management Information Systems)	3	30	30		
20	010069	Cơ sở lập trình (Basic Programming)	3	30	30		
21	010070	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật (Data Structure and Algorithm)	3	30	30		
22	010071	Cơ sở dữ liệu (Databases)	3	30	30		
23	010026	Lý thuyết xác suất và thống kê toán (Theories of Probability and statistics)	3	30		15	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT			GHI CHÚ
				LT	TH	TH tích hợp	
		TỔNG	24	240	120	60	

9.2.2.2. Kiến thức chuyên ngành: 43 Tín chỉ

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT			GHI CHÚ
				LT	TH	TH tích hợp	
24	011047	Kế toán máy (Informatics applied in Accounting)	4	30	60		
25		Lập trình kế toán (Accounting Programming)	4	30	60		
26		Lập trình Web (Web Programming)	3	30	30		
27	010648	An toàn thông tin (Information Security)	3	30	30		
28	010581	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin (Information System Analysis and Design)	3	30	30		
29	010688	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu (Database Management System)	3	30	30		
30	010720	Điện toán đám mây	3	30	30		

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT			GHI CHÚ
				LT	TH	TH tích hợp	
		(Cloud Computing)					
31	010697	Kế toán tài chính 1 (Financial Accounting – Part 1)	3	30		15	
32	010553	Kế toán tài chính 2 (Financial Accounting – Part 2)	3	30		15	
33	010940	Kế toán tài chính 3 (Financial Accounting – Part 3)	3	30		15	
34	010451	Hệ thống thông tin kế toán (Accounting Information System)	3	30		15	
35		Kiểm thử phần mềm (Software Testing)	3	30	30		Chọn 6 tín chỉ
36	010580	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (Enterprise Resource Planning)	3	30	30		
37	011062	Quản trị dự án công nghệ thông tin (Information Technology Project Management)	3	30	30		
38		Phát triển hệ thống thông tin trên các framework (Information System Development on Frameworks)	3	30	30		

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT			GHI CHÚ
				LT	TH	TH tích hợp	
39	010594	Hệ hỗ trợ ra quyết định (Decision Support Systems)	3	30	30		
40		Quản trị Web (Web Management)	3	30	30		
41	010589	Thực hành nghề nghiệp (Practicum)	2		60		Thực tập tại doanh nghiệp
		TỔNG	43	390	420	60	

9.2.2.3. Kiến thức bổ trợ: 6 tín chỉ

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT			GHI CHÚ
				LT	TH	TH tích hợp	
42	010693	Kế toán chi phí (Cost Accounting)	3	30		15	Chọn 6 tín chỉ
43	010938	Kế toán quản trị 1 (Accounting Management – Part 1)	3	30		15	
44	010779	Phân tích tài chính (Financial Analysis)	3	30		15	
45	010698	Kế toán thuế	3	30		15	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT			GHI CHÚ
				LT	TH	TH tích hợp	
		(Tax Accounting)					
46	010315	Kế toán hành chính sự nghiệp (Administrative Accounting)	3	30		15	
47	010842	Tài chính doanh nghiệp 1 (Corporate Finance – Part 1)	3	30		15	
48	010084	Kiểm toán căn bản (Basic Auditing)	3	30		15	
		TỔNG	6	60		30	

9.2.2.4. Thực tập cuối khóa và viết khóa luận tốt nghiệp: 8 tín chỉ

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT			GHI CHÚ
				LT	TH	TH tích hợp	
49	010605	Thực tập tốt nghiệp và viết khóa luận tốt nghiệp (Internship and Writing Thesis)	8		240		Thực tập tại doanh nghiệp
		TỔNG	8		240		

Ghi chú: Những sinh viên không đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp sẽ phải học bổ sung thêm 3 môn (8 tín chỉ)

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT			GHI CHÚ
				LT	TH	TH tích hợp	
1	011060	Thực tập tốt nghiệp (Internship)	3		90		
2	010266	Thương mại điện tử (E-Commerce)	2	15		15	
3	011049	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu nâng cao (Advanced Database Management System)	3	30	30		
TỔNG			8	75	120	15	

10. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

10.1. Học kỳ I

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	SỐ TIẾT			GHI CHÚ
				LT	TH	TH tích hợp	
1	010025	Toán cao cấp	4	45		15	
2	010027	Tin học đại cương	4	45	30		
3	010069	Cơ sở lập trình	3	30	30		
4	010031	Kinh tế vi mô 1	3	45			
5	010633	Những nguyên lý cơ bản của chủ	2	30			

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	SỐ TIẾT			GHI CHÚ
				LT	TH	TH tích hợp	
		nghĩa Mác-Lênin 1					
6		Giáo dục thể chất	1				
7		Giáo dục quốc phòng	8				
		TỔNG CỘNG	16	195	60	15	

10.2. Học kỳ II

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	SỐ TIẾT			GHI CHÚ
				LT	TH	TH tích hợp	
1	010640	Anh văn căn bản 1	3	30		15	
2	010634	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3	45			
3	010032	Kinh tế vĩ mô 1	3	45			
4	010070	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	30	30		
5	010026	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	30		15	
6		Giáo dục thể chất	1				
		TỔNG CỘNG	15	180	30	30	

10.3. Học kỳ III

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	SỐ TIẾT			GHI CHÚ
				LT	TH	TH tích hợp	
1	010022	Anh văn căn bản 2	3	30		15	
2	010016	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30			
3	010043	Toán rời rạc	3	30		15	
4	010033	Quản trị học	3	30		15	
5	010071	Cơ sở dữ liệu	3	30	30		
6	010038	Nguyên lý kế toán	3	30		15	
7		Giáo dục thể chất	1				
		TỔNG CỘNG	17	180	30	60	

10.4. Học kỳ IV

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	SỐ TIẾT			GHI CHÚ
				LT	TH	TH tích hợp	
1	010023	Anh văn căn bản 3	3	30		15	
2	010017	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	45			
3	010045	Hệ thống thông tin quản lý	3	30	30		

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	SỐ TIẾT			GHI CHÚ
				LT	TH	TH tích hợp	
4	010688	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3	30	30		
5	010018	Pháp luật đại cương	3	30		15	
6		Giáo dục thể chất	1				
		TỔNG CỘNG	15	165	60	15	

10.5. Học kỳ V

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	SỐ TIẾT			GHI CHÚ
				LT	TH	TH tích hợp	
1	010024	Anh văn căn bản 4	3	30		15	
2	010697	Kế toán tài chính 1	3	30		15	
3	010720	Điện toán đám mây	3	30	30		
4	010581	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	3	30	30		
5	Học phần tự chọn (kiến thức bổ trợ)						
		Kiểm thử phần mềm	3	30	30		Chọn 3 tín chỉ
	010580	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	3	30	30		

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	SỐ TIẾT			GHI CHÚ
				LT	TH	TH tích hợp	
	011062	Quản trị dự án công nghệ thông tin	3	30	30		
		Phát triển hệ thống thông tin trên các framework	3	30	30		
	010594	Hệ hỗ trợ ra quyết định	3	30	30		
		Quản trị Web	3	30	30		
	010588	Phân tích và thiết kế hướng đối tượng	3	30	30		
		TỔNG CỘNG	15	150	150	30	

10.6. Học kỳ VI

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	SỐ TIẾT			GHI CHÚ
				LT	TH	TH tích hợp	
1	010553	Kế toán tài chính 2	3	30		15	
2		Lập trình kế toán	4	30	60		
3	011047	Kế toán máy	4	30	60		
3	010451	Hệ thống thông tin kế toán	3	30	30		
4	Học phần tự chọn (kiến thức bổ trợ)						

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	SỐ TIẾT			GHI CHÚ
				LT	TH	TH tích hợp	
		Kiểm thử phần mềm	3	30	30		Chọn 3 tín chỉ
	010580	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	3	30	30		
	011062	Quản trị dự án công nghệ thông tin	3	30	30		
		Phát triển hệ thống thông tin trên các framework	3	30	30		
	010594	Hệ hỗ trợ ra quyết định	3	30	30		
		Quản trị Web	3	30	30		
	010588	Phân tích và thiết kế hướng đối tượng	3	30	30		
5	Học phần tự chọn (kiến thức bổ trợ)						
	010693	Kế toán chi phí	3	30		15	Chọn 3 tín chỉ
	010938	Kế toán quản trị 1	3	30		15	
	010779	Phân tích tài chính	3	30		15	
	010698	Kế toán thuế	3	30		15	
	010315	Kế toán hành chính sự nghiệp	3	30		15	
	010842	Tài chính doanh nghiệp 1	3	30		15	
	010084	Kiểm toán căn bản	3	30		15	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	SỐ TIẾT			GHI CHÚ
				LT	TH	TH tích hợp	
		TỔNG CỘNG	17	150	180	15	

10.7. Học kỳ VII

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	SỐ TIẾT			GHI CHÚ
				LT	TH	TH tích hợp	
1	010940	Kế toán tài chính 3	3	30		15	
2	010648	An toàn thông tin	3	30	30		
3		Lập trình Web	3	30	30		
4	010589	Thực hành nghề nghiệp	2		60		
5	Học phần tự chọn (kiến thức bổ trợ)						
	010693	Kế toán chi phí	3	30		15	
	010938	Kế toán quản trị 1	3	30		15	
	010779	Phân tích tài chính	3	30		15	Chọn 3 tín chỉ
	010698	Kế toán thuế	3	30		15	
	010315	Kế toán hành chính sự nghiệp	3	30		15	
	010842	Tài chính doanh nghiệp 1	3	30		15	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	SỐ TIẾT			GHI CHÚ
				LT	TH	TH tích hợp	
	010084	Kiểm toán căn bản	3	30		15	
		TỔNG CỘNG	17	150	120	30	

10.8. Học kỳ VIII

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	SỐ TIẾT		GHI CHÚ
				LT	TH	
1	010605	Thực tập tốt nghiệp và viết khóa luận tốt nghiệp	8		240	

Ghi chú: Những sinh viên không đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp sẽ phải học bổ sung thêm 3 môn (8 tín chỉ)

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT			GHI CHÚ
				LT	TH	TH tích hợp	
1	011060	Thực tập tốt nghiệp	3		90		
2	010266	Thương mại điện tử	2	15		15	
3	11049	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu nâng cao	3	30	30		
		TỔNG	8	75	120	15	

11. MÔ TẢ VẮN TẮT NỘI DUNG VÀ KHỐI LƯỢNG CÁC HỌC PHẦN

1) Tin học đại cương: 4 Tín chỉ

- Tên Tiếng Anh: **Basic Informatics**
- Điều kiện tiên quyết: Không
- Mục tiêu đào tạo học phần: Cung cấp kiến thức cơ bản về tin học xét trên quan điểm của người ứng dụng. Học phần đề cập đến các khối kiến thức: Hệ điều hành Windows và các tiện ích của hệ điều hành; Soạn thảo văn bản với MS. Word; Xử lý bảng tính với MS. Excel; Trình diễn với PowerPoint; Internet và MS. Office Outlook (phiên bản từ 2013 trở về sau); Phần mềm tiện ích và bảo mật. Học phần giúp sinh viên nâng cao kỹ năng soạn thảo văn bản, xử lý dữ liệu với bảng tính, soạn bài thuyết trình, quản lý hộp mail thông qua MS. Office Outlook, tìm kiếm tài liệu trên Internet, sử dụng các phần mềm tiện ích và bảo mật phục vụ học tập và làm việc sau khi sinh viên tốt nghiệp.
- Tài liệu tham khảo:
 - [1] Joan Lambert (2015), Steve Lambert, *Windows 10 Step by Step*, Microsoft Press.
 - [2] Joan Lambert, Curtis Frye (2015), *Microsoft Excel 2016 Step by Step*, Microsoft Press.
 - [3] Joan Lambert (2015), *Microsoft Word 2016 Step by Step*, Microsoft Press.
 - [4] Joan Lambert (2015), *Microsoft Word 2016 Step by Step*, Microsoft Press.
 - [5] Joan Lambert (2015), *Microsoft Outlook 2016 Step by Step*, Microsoft Press.
 - [6] Trần Minh Tùng, Trương Đình Hải Thụy, Đinh Xuân Thọ, Nguyễn Thanh Trường, Nguyễn Thị Trần Lộc, Trần Trọng Hiếu, Trần Thanh San, Lâm Hoàng Trúc Mai, Trương Xuân Hương, Phạm Thủy Tú (2015), *Giáo trình Tin học Đại cương – tái bản lần 3*, NXB Giao thông Vận tải.

2) Toán rời rạc:.....3 Tín chỉ

- Tên Tiếng Anh: **Discrete Mathematics**
- Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp.
- Mục tiêu đào tạo học phần: Cung cấp những kiến thức tối thiểu của toán học rời rạc dùng làm cơ sở cho việc học tập chuyên sâu về khoa học máy tính, ở cả hai lĩnh vực phần cứng và phần mềm. Những vấn đề cơ bản thuộc lý thuyết tập hợp, logic toán, đại số mệnh đề, đại số quan hệ, lý thuyết thuật toán, lý thuyết đồ thị hữu hạn và kỹ thuật số sẽ được đề cập đến. Học phần sẽ giúp sinh viên hình thành được lối tư duy logic, rành mạch, chính xác và có cách nhìn “rời rạc hoá những quá trình liên tục”, nhờ vậy sinh viên có thể tiếp thu dễ dàng hơn những kiến thức sâu rộng đang phát triển không ngừng trong lĩnh vực công nghệ thông tin.

- Tài liệu tham khảo:

[1] Đinh Ngọc Thanh, Nguyễn Văn Phong, Nguyễn Trung Đông, Nguyễn Duy Nhất (2013), *Toán Rời Rạc (lưu hành nội bộ)*.

[2] Đỗ Văn Nhơn (2014), *Toán rời rạc*, NXB Đại học Quốc gia Tp.HCM.

[3] Đỗ Đức Giao (2009), *Toán rời rạc ứng dụng trong tin học*, NXB Giáo dục.

[4] Kenneth H. Rosen (2012), *Discrete mathematics and its applications seventh edition*, Mcgraw-Hill.

3) Hệ thống thông tin quản lý:3 Tín chỉ

- Tên Tiếng Anh: **Management Information Systems**
- Điều kiện tiên quyết: Tin học đại cương
- Mục tiêu đào tạo học phần: Cung cấp kiến thức tin học và kinh tế để giải quyết các bài toán liên quan lĩnh vực kinh tế; Cách tiếp cận khảo sát hiện trạng và nhu cầu; Kỹ năng phân tích, thiết kế hệ thống, cách thiết kế các mô hình dòng dữ liệu, sơ đồ phân cấp chức năng, sơ đồ khối, quy trình nghiệp vụ; Mức độ tin học hóa các quy trình nghiệp vụ trong doanh nghiệp; Cách thức tổ chức, xây dựng và triển khai một hệ thống thông tin quản lý trong doanh nghiệp. Phân loại các hệ thống thông tin và tầm quan trọng

của chất lượng dữ liệu đối với các hệ thống thông tin quản lý. Thực hành thành thạo trên phần mềm chuyên dụng.

– Tài liệu tham khảo:

[1] David T. Bourgeois (2014), *Information Systems for Business and Beyond*.

[2] Kenneth C. Laudon and Jane. P. Laudon (2014), *Management Information Systems: Managing the Digital Firm*, Pearson Education.

[3] Lâm Hoàng Trúc Mai, *Bài giảng Hệ thống thông tin quản lý*, Khoa Công nghệ Thông tin – Trường Đại học Tài chính – Marketing.

[4] Mac GrawHill (2012), *Management Information System*.

[5] Thomson Corp (2005), *Management Information Systems*.

4) Cơ sở lập trình:3 Tín chỉ

– Tên Tiếng Anh: **Basic Programming**

– Điều kiện tiên quyết: Không

– Mục tiêu đào tạo học phần: Cung cấp những khái niệm và nguyên lý cơ bản của việc thiết kế thuật toán và lập chương trình cho máy tính điện tử. Sau khi hoàn tất học phần, sinh viên sẽ nắm được những kiến thức cơ sở về thuật toán và chương trình, các cấu trúc dữ liệu tiền định trong ngôn ngữ thuật toán, các cấu trúc điều khiển, các kỹ thuật lập trình căn bản để giải các bài toán quản lý mà đặc biệt là kỹ thuật thiết kế “trên xuống (*Top – Down Design*)” và kỹ thuật lập chương trình con. Một ngôn ngữ lập trình thông dụng sẽ được dùng làm phương tiện để trình bày.

– Tài liệu tham khảo:

[1] Herbert Schildt (2012), *C++ A Beginner's Guide*, Osborne/McGraw Hill.

[2] Phạm Thủy Tú, Trần Trọng Hiếu (2014), *Bài giảng Cơ sở lập trình*, Khoa Công nghệ Thông tin, Trường Đại học Tài chính – Marketing.

[3] Tim Warren (2015), *C Programming For Beginners*.

5) Cấu trúc dữ liệu và giải thuật:3 Tín chỉ

- Tên Tiếng Anh: **Data Structures and Algorithms**
- Điều kiện tiên quyết: Cơ sở lập trình
- Mục tiêu đào tạo học phần: Cung cấp kiến thức và tầm quan trọng của giải thuật và cách tổ chức dữ liệu. Các kiểu cấu trúc dữ liệu thông dụng và các giải thuật trên các cấu trúc dữ liệu ấy. Các kiểu cấu trúc dữ liệu được nghiên cứu bao gồm: Danh sách (List), Mảng (Array), Danh sách liên kết (Linked List), Ngăn xếp (Stack), Hàng đợi (Queue), Cây (Tree) và Đồ thị (Graph).

- Tài liệu tham khảo:

[1] Kurt Mehlhorn & Peter Sanders (2008), *Data Structures and Algorithms*.

[2] Narasimha Karumanchi (2016), *Data Structures and Algorithms*.

[3] Phạm Thủy Tú (2016), *Bài giảng Cấu trúc dữ liệu và giải thuật*, Khoa Công nghệ thông tin, Trường Đại học Tài chính – Marketing.

6) Cơ sở dữ liệu:3 Tín chỉ

- Tên Tiếng Anh: **Databases**
- Điều kiện tiên quyết: Tin học đại cương, Toán rời rạc
- Mục tiêu đào tạo học phần: Cung cấp những kiến thức cơ bản về cơ sở dữ liệu và kỹ năng thực hành thành thạo ngôn ngữ truy vấn SQL trên hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server thông qua các ngôn ngữ con gồm: ngôn ngữ định nghĩa dữ liệu (DDL), ngôn ngữ thao tác dữ liệu (DML), ngôn ngữ điều khiển dữ liệu (DCL). Mô hình quan hệ và đại số quan hệ. Ràng buộc toàn vẹn và lý thuyết thiết kế cơ sở dữ liệu. Cách tạo cơ sở dữ liệu, sao lưu và phục hồi cơ sở dữ liệu. Thực hành thành thạo ngôn ngữ truy vấn SQL và cài đặt ràng buộc toàn vẹn dữ liệu trên nền SQL Server.

- Tài liệu tham khảo:

[1] C.J.Date, *SQL and Relational Theory, 3rd Edition*, O'Reilly Media, 2015.

- [2] Nguyễn Đăng Ty, Đỗ Phúc (2010), *Cơ sở dữ liệu*, NXB Đại học Quốc gia Tp.HCM.
- [3] Ramez Elmasri, Shamkant B. Navathe (2011), *Fundamental of Database Systems*, Addison-Wesley.
- [4] Trần Minh Tùng (2014), *Bài giảng Cơ sở dữ liệu*, Khoa Công nghệ Thông tin – Trường Đại học Tài chính – Marketing.

7) Hệ quản trị cơ sở dữ liệu3 Tín chỉ

- Tên Tiếng Anh: **Database Management System**
- Điều kiện tiên quyết: Cơ sở dữ liệu
- Mục tiêu đào tạo học phần: Cung cấp kiến thức về hệ quản trị cơ sở dữ liệu như: các tính năng, tiện ích và cơ chế đăng nhập, cấu trúc cơ sở dữ liệu SQL Server; Cách tạo chỉ mục, khung nhìn, thủ tục và hàm; Cách thiết lập kết nối truy xuất theo cơ chế máy chủ và máy trạm; Cài đặt ràng buộc toàn vẹn dữ liệu cho ngôn ngữ định nghĩa dữ liệu và ngôn ngữ thao tác dữ liệu; Xử lý dữ liệu với bảng tạm cục bộ và bảng tạm toàn cục; Quản lý truy xuất dữ liệu trong môi trường nhiều người dùng; Các cơ chế khóa và quản lý giao dịch; Sao lưu, phục hồi cơ sở dữ liệu và quản trị người dùng.
- Tài liệu tham khảo:
 - [1]. Andrew J. (Andy) Oppel, FPT Polytechnic (2013), *Nhập môn cơ sở dữ liệu*, NXB Tri thức.
 - [2]. Gary B. Shelly, Harry J. Rosenblatt (2012), *Systems Analysis and Design, Ninth Edition*, Cengage Learning.
 - [3]. Marek Chmel, Vladimir Muzny (2017), *SQL Server 2017 Administrators Guide*.
 - [4]. Ross Mistry, Stacia Misner (2014), *Introducing Microsoft SQL Server 2014*, Microsoft Press.
 - [5]. Trần Minh Tùng, Trần Thanh San (2014), *Bài giảng Hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server*, Khoa Công nghệ Thông tin – Trường Đại học Tài chính – Marketing.

8) Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin:.....3 Tín chỉ

- Tên Tiếng Anh: **Information System Analysis and Design**
- Điều kiện tiên quyết: Cơ sở dữ liệu
- Mục tiêu đào tạo học phần: cung cấp kiến thức và phương pháp phân tích, thiết kế cơ sở dữ liệu để giải quyết các bài toán ứng dụng liên quan đến lĩnh vực kinh tế; Các phương pháp khảo sát hiện trạng và yêu cầu khi xây dựng một hệ thống thông tin quản lý; Cách tiếp cận để phân tích, thiết kế và cài đặt cơ sở dữ liệu trên các hệ quản trị cơ sở dữ liệu khác nhau như: SQL Server, Oracle, mySQL,... dựa trên kết quả khảo sát hiện trạng và yêu cầu nhằm đạt mục tiêu đề ra khi tin học hóa các hệ thống thông tin quản lý trong môi trường nhiều người dùng; Cách phát hiện và cài đặt các ràng buộc toàn vẹn; Cách tiếp cận khi phân tích, thiết kế và mô hình xử lý.
- Tài liệu tham khảo:
 - [1]. Igor Hawryszkiewicz (2015), *Introduction to System Analysis and Design*.
 - [2]. Shouhong Wang, Hi Wang, (2012), *Information System Analysis And Design*.
 - [3]. Trần Minh Tùng, *Bài giảng Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin*, Khoa Công nghệ Thông tin – Trường Đại học Tài chính – Marketing.
 - [4]. V Rajaraman (2015), *Analysis And Design Of Information System*, PHI Learning.

9) Kế toán máy4 Tín chỉ

- Tên tiếng Anh: **Informatics applied in Accounting**
- Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán
- Mục tiêu đào tạo học phần: Cung cấp kiến thức xử lý các nghiệp vụ kế toán trên các phần mềm kế toán chuyên dụng, khai thác các công cụ trên phần mềm kế toán, theo dõi và quản lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và lập các sổ kế toán và cung cấp thông tin hỗ trợ lãnh đạo ra quyết định.
- Tài liệu tham khảo:

- [1]. Công ty MISA, Phần mềm kế toán MISA.
- [2]. Công ty MISA, Phần mềm AMIS.
- [3]. Công ty Sài Gòn Tâm Điểm, phần mềm Care Accounting.
- [4]. Công ty FAST, phần mềm FAST Accounting.

10) Lập trình kế toán4 Tín chỉ

- Tên tiếng Anh: **Accounting Programming**
- Điều kiện tiên quyết: Cơ sở lập trình, Cấu trúc dữ liệu và giải thuật
- Mục tiêu đào tạo học phần: Cung cấp kiến thức lập trình hướng đối tượng dựa trên ngôn ngữ C#.NET. Xây dựng các ứng dụng trên Windows Application thông qua các hàm và thủ tục do người dùng định nghĩa trong lớp hoặc không gian tên. Xây dựng các ứng dụng với các điều khiển thông dụng và lập trình thông qua các lớp kế thừa nhằm tăng tính mở rộng, tính sử dụng lại,... trong kỹ thuật lập trình hướng đối tượng; cách kết nối và lập trình truy xuất dữ liệu và các đối tượng cơ sở dữ liệu trong các hệ quản trị cơ sở dữ liệu như: MySQL, SQL Server, Oracle; Truy xuất và thực hiện các thao tác với cơ sở dữ liệu thông qua các đối tượng SqlCommand, SqlDataAdapter,...; Gọi và thực thi các hàm, thủ tục và khung nhìn được lưu trữ trong SQL Server và Oracle; Xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh; Trình diễn dữ liệu và thiết kế các sổ kế toán thông qua đối tượng Crystal Report khi triển khai các hệ thống thông tin quản lý trong các doanh nghiệp.
- Tài liệu tham khảo:
 - [5]. John Sharp (2013), *Microsoft Visual C# 2013 Step by Step*, Microsoft Press.
 - [6]. John Sharp (2013), *Microsoft Visual C# Step by Step, 8th Edition*, Microsoft Press.
 - [7]. Nguyễn Thanh Trường, *Bài giảng Lập trình kế toán*, Khoa Công nghệ Thông tin – Trường Đại học Tài chính – Marketing.

11) Lập trình Web4 Tín chỉ

- Tên tiếng Anh: **Web Programming**
- Điều kiện tiên quyết: Cấu trúc dữ liệu và giải thuật
- Mục tiêu đào tạo học phần: Cung cấp kiến thức căn bản về phần mềm thiết kế Web theo công nghệ của Microsoft; Cấu trúc tổ chức tập tin HTML và ngôn ngữ lập trình VB.NET hoặc C# hỗ trợ việc thiết kế Web; Các thư viện hàm và các cấu trúc điều khiển khi xây dựng các ứng dụng Web; Cách thức xây dựng một dự án Web với ASP.NET MVC cùng các công cụ thiết kế; Truy xuất cơ sở dữ liệu SQL Server thông qua ngôn ngữ VB.NET hoặc C#; Bảo mật trong ASP.NET; Thiết kế Website thương mại điện tử.

- Tài liệu tham khảo:

[1]. Adam Freeman (2017), *Pro ASP.NET MVC 5 Platform*, Apress.

[2]. Erik Reitan (2014), *Getting Started with ASP.NET 4.5 Web Forms and Visual Studio 2013*, Microsoft Corporation.

[3]. Hans-Petter Halvorsen (2016), *Microsoft ASP.Net Web Programming*, Microsoft Corporation.

[4]. Jim Buyens, *Web Database Development Step by Step*, Microsoft Corporation.

[5]. Jon Galloway, Brad Wilson, K. Scott Allen, David Matson (2017), *Professional ASP.NET MVC 5*, Apress.

[6]. Lê Đình Ngân (2017), *Bài giảng Kỹ thuật lập trình ASP.NET*.

[7]. Nimit Joshi (2017), *Programming ASP.NET MVC 5*

[8]. Pieter van der Westhuizen (2017), *Bootstrap for ASP.NET MVC*

12) An toàn thông tin3 Tín chỉ

- Tên tiếng Anh: **Information Security**
- Điều kiện tiên quyết: Hệ quản trị Cơ sở dữ liệu, SQL Server

- Mục tiêu đào tạo học phần: Cung cấp kiến thức cơ bản về bảo mật và an toàn dữ liệu; tầm quan trọng của an toàn thông tin trong kỷ nguyên internet; các phương thức tấn công thâm nhập hệ thống mạng; các phương pháp mã hoá đối xứng và cơ sở hạ tầng khoá công khai, chứng thực điện tử và một số giải pháp bảo mật khác.
- Tài liệu tham khảo:

- [1]. Douglas R. Stinson (2015), *Cryptography Theory and Practice*, University of Nebraska- Lincoln.
- [2]. Man Young Rhee, Wilay(2016), *Internet Security - Cryptographic Principles, Algorithms and Protocols*.
- [3]. Michael Nieves, Kelley Dempsey, Victoria Yan Pillitteri (2017), *An Introduction to Information Security*.
- [4]. Tony Campbell (2017), *Practical Information Security Management*
- [5]. Trần Thanh San(2017), *Bài giảng An toàn thông tin*, Khoa Công nghệ Thông tin – Trường Đại học Tài chính - Marketing.

13) Quản trị dự án công nghệ thông tin3 Tín chỉ

- Tên tiếng Anh: **Information Technology Project Management**
 - Điều kiện tiên quyết: Cơ sở dữ liệu, Hệ thống thông tin quản lý
 - Mục tiêu đào tạo học phần: Cung cấp những khái niệm về dự án, phân loại dự án, các giai đoạn xây dựng một dự án phần mềm. Xây dựng đề cương dự án phần mềm. Tổ chức thực hiện dự án. Lập kế hoạch và triển khai dự án phần mềm thông qua sơ đồ Pert, sơ đồ Grantt. Quản trị rủi ro và ước lượng chi phí dự án khi triển khai một dự án phần mềm phục vụ các hoạt động của doanh nghiệp.
 - Tài liệu tham khảo:
- [1]. Carl Chatfield, PMP, Timothy Johnson (2013), MCTS, *Microsoft Project 2013*, Microsoft Press.

- [2]. D. Murray, N. Sandford (2013), *Software Engineering Project Management*, University of London.
- [3]. Harold Kerzner (2013), *Project Management: A Systems Approach to Planning, Scheduling, and Controlling*, 11th Edition, Wiley.
- [4]. James Cadle, Donald Yeates (2016), *Project Management for Information Systems*, Pearson.
- [5]. Trần Minh Tùng, *Bài giảng Quản trị dự án phần mềm*, Khoa Công nghệ Thông tin – Trường Đại học Tài chính – Marketing.

14) Điện toán đám mây3 Tín chỉ

- Tên tiếng Anh: **Cloud Computing**
- Điều kiện tiên quyết: Cơ sở dữ liệu, SQL Server
- Mục tiêu đào tạo học phần: cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản về điện toán đám mây và các nguồn tài nguyên khổng lồ như: phần mềm, dịch vụ,...; ba mô hình cơ bản của điện toán đám mây gồm: dịch vụ cung cấp cơ sở hạ tầng, dịch vụ cung cấp nền tảng và dịch vụ phần mềm. Với các dịch vụ sẵn có của điện toán đám mây trên mạng Internet, các tổ chức và doanh nghiệp chỉ cần tập trung vào kinh doanh lĩnh vực riêng nhưng không phải trang bị một hệ thống máy tính, các phần mềm chuyên dụng, đội ngũ bảo trì,... vì đã có những công ty dịch vụ điện toán đám mây đảm nhận cơ sở hạ tầng và phần mềm ứng dụng. Ngoài ra, sinh viên cũng sẽ được làm quen và sử dụng một số các công cụ được cung cấp miễn phí trên mạng Internet bao gồm: Google Cloud, Icloud, DropBox, Zoho,...
- Tài liệu tham khảo:
 - [1]. Jansen, Wayne & Grance, Timothy, *Guidelines on Security and Privacy in Public Cloud Computing*, National Institute of Standards and Technology, 2011.
 - [2]. Strowd, Harrison & Lewis, Grace (2010), *T - Check in System – of - Systems Technologies: Cloud Computing*, Carnegie Mellon University.

- [3]. Tôn Thất Hòa An (2017), *Bài giảng Điện toán đám mây*, Khoa Công nghệ Thông tin – Trường Đại học Tài chính – Marketing.

15) Hệ hỗ trợ ra quyết định3 tín chỉ

- Tên tiếng Anh: **Decision Support System**
- Điều kiện tiên quyết: Cơ sở dữ liệu, Cấu trúc dữ liệu và giải thuật
- Mục tiêu đào tạo học phần: Cung cấp kiến thức về hệ hỗ trợ quyết định gồm: khái niệm, cấu trúc, đặc trưng và các thành phần của hệ hỗ trợ quyết định, quản lý và khai thác dữ liệu, các mô hình được sử dụng trong hệ hỗ trợ quyết định và các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng mô hình, triển khai và ứng dụng hệ hỗ trợ quyết định để giải quyết các bài toán đa mục tiêu.
- Tài liệu tham khảo:
 - [1]. Clyde W. Holsapple and Frada Burstein (2008), *Handbook on Decision Support Systems*, Berlin/Heidelberg: Springer-Verlag.
 - [2]. Lê Văn Dực (2015), *Hệ hỗ trợ quyết định*, Trường Đại học Bách Khoa Tp.HCM.
 - [3]. Lâm Hoàng Trúc Mai, *Bài giảng Hệ hỗ trợ ra quyết định*, Khoa Công nghệ Thông tin – Trường Đại học Tài chính – Marketing.
 - [4]. Ramanathan Sugumaran, John DeGroote (2011), *Spatial Decision Support Systems*, Taylor and Francis Group.

16) Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp.....3 Tín chỉ

- Tên tiếng Anh: **Enterprise Resource Planning System**
- Điều kiện tiên quyết: Cơ sở dữ liệu, Hệ thống thông tin quản lý.
- Mục tiêu đào tạo học phần: Cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quát về lĩnh vực ERP trong hệ thống quản trị doanh nghiệp, các nghiệp vụ kinh doanh chính trong doanh nghiệp và tích hợp (integrated, cross-functional) giữa các nghiệp vụ. Hiểu và nắm vững các khái niệm trong ERP, quá trình triển khai ERP cho một doanh nghiệp và sự tích hợp các nghiệp vụ kinh doanh vào hệ thống ERP. Sinh viên có thể tham gia

vào các hoạt động của một công ty triển khai ERP như: Tư vấn nghiệp vụ (Business consultant), Tư vấn kỹ thuật (Technical consultant), Phân tích hệ thống (Business Analysis), ... cũng như tham gia vào các hoạt động quản trị một hệ thống ERP đã được triển khai với vai trò là một chuyên viên IT của doanh nghiệp.

– Phần mềm sử dụng: Phần mềm về ERP.

– Tài liệu tham khảo:

[1]. Ellen F. Monk and Bret J. Wagner (2013), *Concepts in Enterprise Resource Planning, Fourth Edition*, Cengage Learning.

[2]. Lâm Hoàng Trúc Mai, *Bài giảng Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp*, Khoa Công nghệ Thông tin – Trường Đại học Tài chính - Marketing.

[3]. Simha R. Magal, Jeffrey Word (2011), *Essentials of Business Processes and Information Systems*, WILEY.

[4]. Ralph M. Stair, Geogre W. Reynolds (2010), *Principles of Information Systems – A Managerial Approach, Ninth edition*.

17) Thương mại điện tử3 Tín chỉ

– Tên tiếng Anh: **E-Commerce**

– Điều kiện tiên quyết: Cơ sở dữ liệu

– Mục tiêu đào tạo học phần: Cung cấp kiến thức về các mô hình kinh doanh trên mạng Internet, các thành phần cấu tạo nên một hệ thương mại điện tử, cách thức kinh doanh, thanh toán trong thương mại điện tử; những thuận lợi và khó khăn khi tiến hành kinh doanh trực tuyến; kỹ năng nhận biết các mô hình kinh doanh trên mạng Internet; cách thức tấn công và các giải pháp phòng chống tấn công mạng thương mại điện tử; cách thức giao dịch và thanh toán trên mạng Internet,...

– Tài liệu tham khảo:

[1]. Paul J. Deitel, Harvey M. Deitel, Tem R. Nieto (2014), *The Complete E-Commerce and E-Business Training Course*.

[2]. Nguyễn Thị Trần Lộc, *Bài giảng Thương mại điện tử*, Khoa Công nghệ Thông tin – Trường Đại học Tài chính – Marketing.

[3]. Tanner Larsson (2016), *Ecommerce Evolved: The Essential Playbook To Build, Grow & Scale A Successful Ecommerce Business*

18) Hệ quản trị cơ sở dữ liệu nâng cao3 Tín chỉ

- Tên tiếng Anh: **Advanced Database Management System**
- Điều kiện tiên quyết: Cơ sở dữ liệu, Hệ thống thông tin quản lý
- Mục tiêu đào tạo học phần: Cung cấp cho sinh viên cách thức sử dụng bảng tạm và thiết lập lịch sao lưu dữ liệu tự động trong SQL Server; Tối ưu hóa câu lệnh truy vấn; Các cơ chế mã hóa dữ liệu trong SQL Server; Phân tích dữ liệu với công cụ OLAP; Đồng bộ hóa cơ sở dữ liệu trong môi trường đa người dùng; Hiển thị dữ liệu với công cụ Reporting Service.

– Tài liệu tham khảo:

[1]. Assaf, William, West, Randolph, Aelterman, Sven, Curnutt, Mindy, *SQL Server 2017 Administration Inside Out*, Microsoft Press.

[2]. Don Jones (2017), *SQL Server Performance Optimization*, Veritas.

[3]. Marek Chmela (2017), *SQL Server 2017 Administrators Guide*, Simple Talk.

[4]. Paul Turley (2016), *Professional Microsoft SQL Server 2016 Reporting Services and Mobile Reports*, Wiley Brand.

[5]. Rob Walters, Christian Kirsch (2009), *Database Encryption and Key Management for Microsoft SQL Server 2008*, Thales e-Security.

[6]. Stacia Misner (2016), *SQL Server 2017 Tutorials: Reporting Services*, Microsoft Press.

[7]. Vũ Thị Thanh Hương, *Bài giảng Hệ quản trị cơ sở dữ liệu nâng cao*, Khoa Công nghệ Thông tin – Trường Đại học Tài chính – Marketing.

19) Kiểm thử phần mềm3 Tín chỉ

- Tên tiếng Anh: **Software Testing**
- Điều kiện tiên quyết: Lập trình web, cơ sở dữ liệu
- Mục tiêu đào tạo học phần: Cung cấp cho sinh viên kiến thức về kiểm thử phần mềm, quy trình SCRUM, các trường hợp kiểm thử; cách sử dụng các công cụ kiểm thử kết hợp với qui trình kiểm thử phần mềm để kiểm thử các chức năng của phần mềm; lập Kế hoạch kiểm thử và tài liệu kiểm thử; Tổ chức và quản lý hoạt động kiểm thử phần mềm.
- Tài liệu tham khảo:
 - [1]. Adreas Spiller, Tilo Linz, Hans Schaefer (2014), *Software Testing Foundation*, Rocky Nook.
 - [2]. Đinh Xuân Thọ, *Bài giảng Kiểm thử phần mềm*, Khoa Công nghệ Thông tin – Trường Đại học Tài chính – Marketing.
 - [3]. Lisa Crispin, Janet Gregory (2016), *Agile Testing: a practical guide for testers and agile teams*, Addison - Wesley.
 - [4]. Tilo Linx (2014), *Testing in Scrum: A Guide for Software Quality Assurance in the Agile World*.

20) Phát triển hệ thống thông tin trên các framework3 Tín chỉ

- Tên tiếng Anh: **Information System Development on Frameworks**
- Điều kiện tiên quyết: Lập trình Web, Lập trình C#.NET
- Mục tiêu đào tạo học phần: Cung cấp cho sinh viên các framework thông dụng khi phát triển các ứng dụng trên các nền tảng công nghệ .NET, Java, Mobile App với các Web App Framework, Mobile App Framework và các hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server, Oracle, MySQL.
- Tài liệu tham khảo:
 - [1]. Ashley Friedlein (2017), *Oracle Mobile Application Framework Developer Guide: Build Multiplatform Enterprise Mobile Apps*, Oracle Press.

[2]. Chris Griffith (2017), *Mobile App Development with Ionic, Revised Edition: Cross-Platform Apps with Ionic, Angular, and Cordova*, O'Reilly Media.

[3]. Phạm Thủy Tú, *Bài giảng Phát triển hệ thống thông tin trên các framework*, Khoa Công nghệ Thông tin – Trường Đại học Tài chính – Marketing.

[4]. Sani Yusuf, Tom Bray, Ethan Holmes, Hazem Saleh (2016), *Mobile Application Development: JavaScript Frameworks*, Packt.

[5]. Semmy Purewal (2014), *Learning Web App Development: Build Quickly with Proven JavaScript Techniques*, O'Reilly Media

12. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

12.1. Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo

- Sau khi kế hoạch đào tạo đã được phê duyệt. Khoa sẽ phối hợp với Phòng Quản lý Đào Tạo, Phòng Khảo thí và Quản lý Chất lượng và các Phòng, Ban khác tổ chức, triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo theo kế hoạch từng năm và học kỳ. Hàng năm Khoa sẽ xem xét hoàn chỉnh đề cương các học phần thuộc khoa quản lý trong các chuyên ngành của khoa, xây dựng các kế hoạch thực hành cho từng chuyên ngành và kế hoạch thực tập tốt nghiệp.
- Khoa chịu trách nhiệm phân công giáo viên giảng, mời chuyên gia, doanh nghiệp tham gia giảng dạy, theo dõi nội dung giảng dạy phù hợp với yêu cầu đề cương học phần. Tổ chức đánh giá kết quả học tập theo đúng quy chế của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo.
- Trong quá trình tổ chức thực hiện sẽ đề xuất những yêu cầu cần thiết về cơ sở vật chất và các phương tiện giảng dạy phục vụ cho quá trình đào tạo. Hoặc đề xuất những thay đổi về phương pháp giảng dạy thích nghi với tình hình thực tế.

12.2. Phương pháp đào tạo

Trọng số đánh giá học phần tất cả các học phần trong chương trình đào tạo:

+ Điểm quá trình: 50%.

- + Điểm thi kết thúc học phần: 50%.
- Điểm quá trình sẽ kết hợp nhiều hình thức kiểm tra: bài tập nhóm, bài tập về nhà, thảo luận, thuyết trình,...;
- Tất cả học phần cơ sở ngành và chuyên ngành có hình thức thi cuối kỳ là thi thực hành hoặc làm đề án môn học để đánh giá năng lực người học qua từng học phần;
- Các học phần thực hành nghề nghiệp và thực tập khóa luận tốt nghiệp sẽ đánh giá theo tiến độ và kết quả sinh viên làm được với sự tham gia đánh giá từ doanh nghiệp;
- Lập kế hoạch và tổ chức dự giờ đối với giảng viên;
- Khảo sát mức độ hài lòng của sinh viên đối với giảng viên sau khi kết thúc giảng dạy học phần;
- Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập được đặt dưới sự tổ chức của phòng Khảo thí và Quản lý Chất lượng kết hợp với phòng Thanh Tra Giáo dục của Nhà Trường để đảm bảo sự khách quan, công bằng đối với mọi sinh viên;
- Việc công bố kết quả môn học được thực hiện trên website của phòng Khảo Thí - Quản lý chất lượng trong thời gian ngắn nhất, đảm bảo sinh viên nhanh chóng biết được kết quả học tập của mình để chuẩn bị kế hoạch cho những học kỳ tiếp theo trong suốt khóa học;
- Tiến hành kiểm tra đánh giá chương trình đào tạo qua từng năm và khóa học;
- Tổ chức họp và đúc kết kinh nghiệm về nội dung và phương pháp đào tạo, rà soát lại mục tiêu, nội dung chương trình và cập nhật các học phần mới theo xu hướng phát triển khoa học và công nghệ mới để chương trình đào tạo ngày càng hoàn thiện và mang tính thực tiễn cao.
- Đánh giá kết quả học tập: đánh giá kết quả học tập sẽ theo yêu cầu từng môn học theo kế hoạch Khoa đã duyệt, phù hợp với quy chế của Bộ Giáo Dục – Đào tạo và các văn bản của Trường.

13. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ ĐÀO TẠO

13.1. Diện tích đất

Trường Đại học Tài chính - Marketing được xây dựng tại 6 cơ sở với tổng diện tích đất hiện có là 657.380 m² cụ thể:

- Cơ sở 2/4 Trần Xuân Soạn, phường Tân Thuận Tây, quận 7: 9.160 m²
- Cơ sở 2C Phở Quang, phường 2, quận Tân Bình: 2.500 m².
- Cơ sở 306 đường Nguyễn Trọng Tuyển, phường 1, Q.Tân Bình: 444,6 m²
- Cơ sở 343/4 Nguyễn Trọng Tuyển, phường 1, quận Tân Bình: 148 m²
- Cơ sở 778 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận: 13.144 m²
- Cơ sở B2/1A Đường 385, P.Tăng Nhơn Phú A, Q.9, TP.HCM: 39.576 m²

13.2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo

✓ Số phòng làm việc phục vụ hoạt động đào tạo

Tổng số phòng làm việc được phân khu chức năng riêng biệt phục vụ cho các hoạt động đào tạo của Trường Đại học Tài chính - Marketing: 122 phòng.

✓ Số phòng học phục vụ hoạt động đào tạo

Tổng số phòng học phục vụ cho các hoạt động đào tạo của Trường Đại học Tài chính - Marketing: 214 phòng.

✓ Số phòng đọc, thư viện phục vụ hoạt động đào tạo

Tổng số phòng đọc và thư viện phục vụ cho các hoạt động đào tạo của Trường Đại học Tài chính - Marketing: 05 phòng.

✓ Số phòng máy tính phục vụ hoạt động đào tạo

Tổng số phòng máy tính phục vụ cho các hoạt động đào tạo của Trường Đại học Tài chính - Marketing: 22 phòng với tổng số 820 máy tính và 01 Trung tâm Lưu trữ và Quản lý dữ liệu. Trong đó có một số phòng máy được trang bị và đưa vào khai thác hơn 1 năm nên có cấu hình khá cao.

Bảng: Các phòng máy hiện nay của Nhà Trường

Phòng máy	Số lượng	Cấu hình	Ghi chú
PM02	30	HP prodesk 400 G4: Core i5-6600; 8GB(1x8GB) DDR3;500GB; HP 18.5-inch	Cơ sở Nguyễn Trọng Tuyển
PM05	40	Dell Intel Core i3 - 4130, 3.4GHz, 4GB, 500GB	Cơ sở Nguyễn Trọng Tuyển
PM08	30	HP prodesk 400 G4: Core i5-6600; 8GB(1x8GB) DDR3;500GB; HP 18.5-inch	Cơ sở Nguyễn Trọng Tuyển
Kho P04	40	FPT GA-H81-S1 Core i5 - 4460 (3.2Ghz) 4Gb DDR III, 500GB , LED 19,5"	Cơ sở quận 9
Kho P04	85	FPT GA-H81-S1 Core i5 - 4460 (3.2Ghz) 4Gb DDR III, 500 GB , LED 19,5"	Cơ sở quận 9
PM207	35	TACO Core i5 - 4450 , 8GB, 500GB, LED 18,5"	Cơ sở quận 9

✓ **Hội trường phục vụ hoạt động đào tạo**

Tổng số hội trường phục vụ cho các hoạt động đào tạo của Trường Đại học Tài chính - Marketing: 05 hội trường.

✓ **Sân thể thao đa năng, nhà thi đấu phục vụ hoạt động đào tạo**

Tổng số nhà thi đấu đa năng, khu thể thao phục vụ cho các hoạt động đào tạo của Trường Đại học Tài chính - Marketing: 04 phòng.

✓ **Khu ký túc xá phục vụ**

Trường Đại học Tài chính - Marketing có khu ký túc xá với diện tích 9.691 m² với sức chứa 2.500 sinh viên.

HIỆU TRƯỞNG



TS Hoàng Đức Long

KT. TRƯỞNG KHOA CNTT

PHÓ TRƯỞNG KHOA

ThS. Trần Minh Tùng

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành: **Hệ thống thông tin quản lý**
(Management Information Systems – MIS)
Chuyên ngành: **Tin học quản lý**
(Management Informatics)

Bậc đào tạo: **Đại học**
Hệ: **Chính quy**
Hình thức đào tạo: **Tin chỉ**
Khóa tuyển sinh: **2018**

Tp.Hồ Chí Minh, Tháng 08 năm 2018

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT
(Tiếng Việt)

CSDL	Cơ sở dữ liệu
CSLT.....	Cơ sở lập trình
CTĐT.....	Chương trình đào tạo
CTDL & GT	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật
CTDL.....	Cấu trúc dữ liệu
CNTT.....	Công nghệ thông tin
DN.....	Doanh nghiệp
DSLK.....	Danh sách liên kết
DH.....	Đại học
HTTTQL.....	Hệ thống thông tin quản lý
HTTT	Hệ thống thông tin
HP	Học phần
HT	Hệ thống
HQTCSDL.....	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu
KTLT	Kỹ thuật lập trình
KHTN	Khoa học tự nhiên
LT	Lý thuyết
TH.....	Thực hành
TC	Tín chỉ
TT	Truyền thông
THKT.....	Tin học kế toán
QTKD	Quản trị kinh doanh

QTDN Quản trị doanh nghiệp
QTDA Quản trị dự án
QTDACNTT Quản trị dự án công nghệ thông tin
QH Quan hệ

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

(Tiếng Anh)

ASP	Active Server Pages
AIS	Accounting Information Systems
BFD	Business Function Diagram
CRM	Customer Relationship Management
DFD	Data Flow Diagram
DSS	Decision Support Systems
DML	Data Manipulation Language
DDL	Data Definition Language
DBMS	Database Management Systems
ERP	Enterprise Resources Planning
ES	Expert Systems
ESS	Executive Support Systems
HTML	HyperText Markup Language
PHP	Hypertext Preprocessor
MIS	Management Information Systems
MPS	Material Requirement Planning
IT	Information Technology
IIS	Internet Information Services
LAN	Local Area Network
SOP	Sales and Operation Planning
WAN	Wide Area Network
UML	Unified Modeling Language

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tên chương trình : Tin học Quản lý (Management Informatics)
Trình độ đào tạo : Đại học
Ngành đào tạo : Hệ thống thông tin quản lý (Management Information Systems)
Mã ngành đào tạo : 7340405
Niên khóa đào tạo : 2018 - 2022
Loại hình đào tạo : Chính quy – Hệ tín chỉ

(Ban hành kèm theo quyết định số: 194/QĐ-ĐHTCM ngày 16/10/2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Marketing)

1. CĂN CỨ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Văn bản pháp lý

- Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP ngày 02/11/2005 của Chính phủ về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006 – 2020;
- Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;
- Quyết định số 1755/QĐ-TTg ngày 22/09/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đưa Việt Nam sớm trở thành nước mạnh về công nghệ thông tin và truyền thông”;
- Thông tư 08/2011/TT-BGDĐT ngày 17/02/2011 Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình mở ngành đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng;
- Quyết định số 378/QĐ - TTg ngày 23/03/2015 Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với Trường Đại học Tài chính - Marketing giai đoạn 2015 – 2017;

- Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/04/2015 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và đào tạo “Ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sỹ, tiến sỹ”;
- Thông tư số 25/2016/TT-BGDĐT ngày 14/10/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc các chương trình đào tạo trình độ đại học;
- Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 15/04/2015 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin (CNTT) đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;
- Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc “Phê duyệt Khung trình độ Quốc gia Việt Nam”;
- Kế hoạch số 335/KH-ĐHTCM ngày 31/03/2017 về cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo năm 2017;
- Chỉ thị số 16/TTg ngày 14/05/2017 về việc “Tăng cường năng lực tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4”.
- Quyết định số 781/QĐ-ĐHTCM ngày 06/06/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing về “Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại trường Đại học Tài chính – Marketing”;
- Thông báo số 827/TB- ĐHTCM ngày 17/07/2017 của trường Đại học Tài Chính – Marketing về việc rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo trình độ đại học cho khóa tuyển sinh 2018;
- Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 04/05/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường năng lực tiếp cận cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ 4;

- Công văn số 1891/BGDĐT-GDDH ngày 05/05/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo gửi các trường đại học và cao đẳng về nhiệm vụ “Đào tạo nguồn nhân lực có khả năng thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0”;
- Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc “Ban hành danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học”;
- Công văn số 5444 /BGDĐT-GDDH ngày 16/11/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc “Áp dụng cơ chế đặc thù đào tạo các ngành thuộc lĩnh vực CNTT trình độ đại học” tại các đại học, học viện và các trường đại học giai đoạn 2017-2020 nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động và hội nhập quốc tế.

1.2. Đối tượng tham khảo

- Tham khảo chương trình đào tạo Trường Đại học Kinh tế - Luật, Trường Đại học Kinh tế Tp.HCM, Trường Đại học Mở Tp.HCM, Trường Đại học Công nghệ Thông tin – Tp.HCM, Trường Đại học Ngân Hàng Tp.HCM;
- Chương trình đào tạo của một số trường đại học nước ngoài có đào tạo ngành Hệ thống thông tin quản lý: Colorado State University, Florida State University, University of Atlanta, University of Alberta;
- Phiếu khảo sát của doanh nghiệp phần mềm: Công ty TMA Solutions, Công ty Cổ phần Phần mềm Bravo, Công ty Phần mềm NashTech, Công ty Cổ phần và Quản lý Doanh nghiệp FAST, Công ty Cổ phần Phần mềm ROSY, Công ty TNHH Giải pháp Doanh nghiệp Toàn cầu (GESO), Công ty Logigear, Công ty Cổ phần Fujinet Systems, Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ S Factors, Trung tâm ISC Quang Trung, Công ty Bosch Việt Nam, Công ty Cổ phần Tư vấn và Đào tạo SmartPro,...;
- Phiếu khảo sát ý kiến của cựu sinh viên.

1.3. Quá trình xây dựng chương trình đào tạo

- Căn cứ biên bản họp Hội đồng khoa học Công nghệ Thông tin ngày 02/01/2018 về việc xây dựng đề án đào tạo đặc thù nguồn nhân lực nhóm ngành công nghệ thông tin.

- Hội thảo "Đào tạo nhân lực công nghệ thông tin theo cơ chế đặc thù thích ứng với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0" tổ chức tháng 04/2018 và góp ý chương trình đào tạo với 10 doanh nghiệp phần mềm tham gia góp ý.
- Căn cứ biên bản họp Hội đồng khoa học Trường Đại học Tài chính – Marketing ngày 28/11/2017 về việc đóng góp ý kiến xây dựng chương trình đào tạo khóa tuyển sinh 2018.
- Căn cứ Biên bản “Góp ý xây dựng chương trình đào tạo đặc thù” ngày 11/06/2018 của Khoa Công nghệ Thông tin.
- Căn cứ các biên bản họp Tổ bộ môn ngày 18/08/2018 về việc xây dựng chương trình đào tạo các chuyên ngành trong đề án đào tạo đặc thù.
- Căn cứ biên bản họp Hội đồng Khoa học cấp khoa ngày 22/08/2018 về xây dựng chương trình đào tạo chuyên ngành Tin học quản lý và Hệ thống thông tin kế toán.

2. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo nhân lực về hệ thống thông tin thuộc nhóm ngành công nghệ thông tin có bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất đạo đức trong sáng, có lối sống lành mạnh, có sức khỏe tốt thích ứng cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 với các kiến thức được trang bị về công nghệ thông tin, hệ thống thông tin, kinh tế, quản trị, ngoại ngữ, kế toán và marketing; có kiến thức chuyên sâu về hệ thống thông tin và ngôn ngữ lập trình; có kỹ năng thực hành thành thạo với các công cụ phân tích và phần mềm chuyên ngành; có khả năng hoạch định, đề xuất giải pháp, triển khai và quản trị các dự án công nghệ thông tin và hệ thống thông tin tại công ty phần mềm, tổ chức và doanh nghiệp; sinh viên sẽ được học với các chuyên gia và thời gian đào tạo tại doanh nghiệp chiếm 30% tổng thời gian đào tạo.

2.2. Mục tiêu về kiến thức chuyên môn

- *Khối kiến thức giáo dục đại cương*: cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, xã hội nhân văn, kinh tế, quản trị học, ngoại ngữ, kiến thức nền tảng về công nghệ thông tin và quản trị hệ thống thông tin.

- **Khối kiến thức chuyên ngành:** cung cấp kiến thức chuyên sâu phân tích, thiết kế, mô hình hóa, quản trị hệ thống thông tin; kiến thức chuyên sâu về các hệ quản trị cơ sở dữ liệu; quản lý hệ thống ERP và tổ chức kho dữ liệu, khai thác dữ liệu liên quan đến các hoạt động quản lý, sản xuất, kinh doanh; an toàn và bảo mật các hệ thống thông tin và mạng máy tính; quản lý các đề án, dự án và nhóm đề án khi xây dựng và triển khai các hệ thống thông tin; các ngôn ngữ lập trình được ứng dụng trong lĩnh vực quản trị tổ chức, doanh nghiệp và kiến thức về lập trình ứng dụng trên thiết bị di động.
- **Khối kiến thức bổ trợ:** người học được tự chọn kiến thức bổ sung theo từng khối ngành như: quản trị kinh doanh, thương mại, kế toán, marketing, tài chính,...

2.3. Mục tiêu về kỹ năng chuyên môn

- Có khả năng áp dụng kiến thức nền tảng về kinh tế, quản trị, marketing, tài chính, ngoại ngữ, hệ thống thông tin và công nghệ thông tin vào hoạt động thực tiễn tại cơ quan và doanh nghiệp trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế;
- Có khả năng áp dụng các kiến thức chuyên ngành hệ thống thông tin quản lý và công nghệ thông tin để phân tích các nghiệp vụ liên quan lĩnh vực quản lý kinh tế, tài chính, hành chính và dịch vụ tại cơ quan và doanh nghiệp;
- Có năng lực thiết kế và xây dựng hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP), hệ thống giao dịch thương mại và kinh doanh trực tuyến, quảng cáo trực tuyến, các ứng dụng trên thiết bị di động tại các công ty phần mềm, tổ chức và doanh nghiệp;
- Có năng lực thu thập, xử lý và tổng hợp thông tin liên quan đến các nghiệp vụ kinh doanh, sản xuất, quản lý và thương mại điện tử tại các cơ quan và doanh nghiệp;
- Có năng lực sử dụng các kỹ thuật và các công cụ phần mềm để phân tích, thiết kế các giải pháp và chính sách bảo mật hệ thống thông tin và mạng máy tính tại các tổ chức và doanh nghiệp;

- Có khả năng phân tích và đề xuất các giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin để giải quyết các bài toán liên quan đến các hoạt động trong thực tiễn nhằm đáp ứng nhu cầu tại các cơ quan và doanh nghiệp;
- Có năng lực nghiên cứu độc lập và làm việc nhóm, tư duy, sáng tạo khi tham gia các dự án phần mềm;
- Có năng lực quản lý và điều hành dự án và nhóm dự án khi xây dựng hệ thống thông tin quản lý tại các cơ quan và doanh nghiệp;
- Có năng lực ngoại ngữ đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp thích ứng cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0;
- Có hiểu biết nhu cầu và khả năng định hướng nghề nghiệp, có sự cam kết giải quyết vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực hệ thống thông tin quản lý;

2.4. Mục tiêu về khả năng ngoại ngữ

Với đối tượng là học sinh phổ thông có trình độ phổ biến tương đương chứng chỉ A Anh văn, sinh viên được trang bị 12 tín chỉ ngoại ngữ (tương đương 180 tiết), sinh viên sau khi tốt nghiệp phải đạt chứng chỉ ngoại ngữ TOEIC 405 theo chuẩn quốc tế (IIG tổ chức thi và ETS cấp chứng chỉ).

2.5. Mục tiêu về kỹ năng mềm để làm việc hiệu quả

Để vận dụng có hiệu quả kiến thức và các kỹ năng nghề nghiệp trong công việc sau khi tốt nghiệp, sinh viên phải đạt 4 trong 8 các kỹ năng gồm:

a) Chọn 2 trong 4 kỹ năng cần cho việc học đại học

- Kỹ năng thuyết trình;
- Kỹ năng làm việc nhóm;
- Kỹ năng quản lý thời gian;
- Kỹ năng tư duy hiệu quả và sáng tạo.

b) Chọn 2 trong 4 kỹ năng cần cho việc tìm và làm việc

- Kỹ năng giao tiếp và ứng xử trong kinh doanh;

- Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định;
- Kỹ năng tìm việc;
- Kỹ năng khám phá bản thân và lập kế hoạch nghề nghiệp.

2.6. Mục tiêu về thái độ

- Có bản lĩnh và ý thức chính trị về đường lối cách mạng của Đảng và vai trò lãnh đạo của Nhà nước; có lối sống lành mạnh, tinh thần yêu nước, yêu nghề, tuân thủ pháp luật, giữ vững đạo đức nghề nghiệp;
- Có phẩm chất đạo đức, kỷ luật, ý thức về trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp và tác phong công nghiệp;
- Có ý thức tự học, tự nghiên cứu, cầu tiến, cầu thị và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để thích nghi với các môn trường làm việc khác nhau;
- Có đủ sức khỏe để học tập nâng cao trình độ, làm việc và bảo vệ tổ quốc.
- Tích cực tham gia sinh hoạt và thể hiện trách nhiệm đối với các công tác tập thể, hoạt động xã hội, văn thể mỹ của cộng đồng.

2.7. Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

- Có phẩm chất đạo đức, tính kỷ luật, luôn tự rèn luyện nâng cao năng lực chuyên môn;
- Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau;
- Có ý thức học và tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;
- Tích cực tham gia các hoạt động phong trào;
- Có ý thức tham gia các hoạt động cộng đồng và có trách nhiệm với cộng đồng;
- Có ý thức về đạo đức nghề nghiệp.

3. CÁC VỊ TRÍ CÔNG VIỆC CÓ THỂ ĐẢM NHẬN KHI TỐT NGHIỆP

- Công ty phần mềm trong và ngoài nước;

- Phòng công nghệ thông tin, phòng kỹ thuật tại các tổ chức và doanh nghiệp;
- Phòng đào tạo, phòng khảo thí, trung tâm quản lý dữ liệu tại các trường đại học, cao đẳng và phổ thông.

4. THỜI GIAN ĐÀO TẠO

Thời gian đào tạo: 4 năm.

5. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHOÁ (Tính bằng số tín chỉ)

Gồm 120 tín chỉ, chưa tính Giáo dục thể chất (4 tín chỉ), Giáo dục quốc phòng (3 tín chỉ) và các học phần kỹ năng mềm.

6. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Thực hiện theo quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy năm 2018.

7. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

7.1. Quy trình đào tạo

Theo quy định đào tạo theo học chế tín chỉ của trường ban hành tại quyết định số 283/QĐ/ĐHTCM ngày 06/03/2018 của Trường Đại học Tài chính - Marketing.

7.2. Điều kiện tốt nghiệp

- Theo quy định tại Điều 29, chương V quy định về đào tạo theo học chế tín chỉ của trường ban hành tại quyết định số 1194/QĐ/ĐHTCM-QLĐT ngày 19/07/2012, và quy định về chuẩn đầu ra của trường.
- Tích lũy đủ số học phần, số tín chỉ quy định cho chương trình đào tạo.
- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất.
- Có chứng chỉ TOEIC từ 405 trở lên hoặc tương đương (do IIG tổ chức và ETS cấp chứng chỉ quốc tế).

7.3. Khóa luận tốt nghiệp

Sinh viên viết khóa luận tốt nghiệp theo quy định ở Điều 27, chương V quy định về đào tạo theo học chế tín chỉ của trường ban hành tại quyết định số 1194/QĐ/ĐHTCM-QLĐT ngày 19/07/2012.

8. THANG ĐIỂM

Thang điểm đánh giá kết quả học tập các học phần của sinh viên theo quy định tại Điều 25, chương III quy định về đào tạo theo học chế tín chỉ của trường ban hành tại quyết định số 1194/QĐ/ĐHTCM-QLĐT ngày 19/07/2012.

9. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Ghi chú ký hiệu và diễn giải:

+ LT: lý thuyết.

+ TH: thực hành tại phòng máy của trường hoặc doanh nghiệp.

+ TH tích hợp: thực hành tích hợp thông qua bài tập nhóm, bài tập tình huống, thảo luận, thuyết trình.

+ 1 tín chỉ lý thuyết = 15 tiết

+ 1 tín chỉ lý thuyết = 1 tín chỉ thực hành tích hợp

+ 1 tín chỉ lý thuyết = 30 tiết thực hành phòng máy tính

9.1. Kiến thức giáo dục đại cương: 33 Tín chỉ

(không kể Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT			GHI CHÚ
				LT	TH	TH tích hợp	
Lý luận Mác – Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh							

STT	Mã HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT			GHI CHÚ
				LT	TH	TH tích hợp	
1	010633	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1 (The basic Principles of Marxism-Leninism - Part 1)	2	30			
2	010634	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2 (The basic Principles of Marxism-Leninism - Part 2)	3	45			
3	010016	Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh's Ideology)	2	30			
4	010017	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (Vietnam Communist Party's Revolutionary Policies)	3	45			
TỔNG			10	150			
Khoa học xã hội							
5	010018	Pháp luật đại cương (General Laws)	3	45			
TỔNG			3	45			
Ngoại ngữ							
6	010640	Anh văn căn bản 1	3	45			

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT			GHI CHÚ
				LT	TH	TH tích hợp	
		(General English – Part 1)					
7	010022	Anh văn căn bản 2 (General English – Part 2)	3	45			
8	010023	Anh văn căn bản 3 (General English – Part 3)	3	45			
9	010024	Anh văn căn bản 4 (General English – Part 4)	3	45			
		TỔNG	12	180			
Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên							
10	010025	Toán cao cấp (Advanced Maths)	4	45		15	
11	010027	Tin học đại cương (Basic Informatics)	4	45	30		
		TỔNG	8	90	30	15	
Giáo dục thể chất							
12		Giáo dục thể chất (Physical Training)	4				
		TỔNG	4				
Giáo dục quốc phòng							

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT			GHI CHÚ
				LT	TH	TH tích hợp	
13		Giáo dục quốc phòng (Military Training)	8				
		TỔNG	8				

9.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp87 Tín chỉ

9.2.1. Kiến thức cơ sở của khối ngành: 6 Tín chỉ

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT			GHI CHÚ
				LT	TH	TH tích hợp	
14	010031	Kinh tế vi mô 1 (Microeconomics – Part 1)	3	45			
15	010032	Kinh tế vĩ mô 1 (Macroeconomics – Part 1)	3	45			
		TỔNG	6	90			

9.2.2. Kiến thức của ngành chính

9.2.2.1. Kiến thức chung của ngành chính 24 Tín chỉ

STT	MÃ	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	GHI CHÚ
-----	----	--------------	----	---------	---------

	HP			LT	TH	TH tích hợp	
16	010038	Nguyên lý kế toán (Principles of Accounting)	3	30		15	
17	010033	Quản trị học (Principles of Management)	3	30		15	
18	010043	Toán rời rạc (Discrete Maths)	3	30		15	
19	010045	Hệ thống thông tin quản lý (Management Information Systems)	3	30	30		
20	010069	Cơ sở lập trình (Basic Programming)	3	30	30		
21	010070	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật (Data Structure and Algorithm)	3	30	30		
22	010071	Cơ sở dữ liệu (Databases)	3	30	30		
23	010026	Lý thuyết xác suất và thống kê toán (Theories of Probability and statistics)	3	30		15	
TỔNG			24	240	120	60	

9.2.2.2. Kiến thức chuyên ngành: 43 Tín chỉ

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT			GHI CHÚ
				LT	TH	TH tích hợp	
24	010581	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin (Information System Analysis and Design)	3	30	30		
25	010580	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (Enterprise Resource Planning System)	3	30	30		
26		Hệ quản trị cơ sở dữ liệu 1 (Database Management System – Part 1)	3	30	30		
27		Hệ quản trị cơ sở dữ liệu 2 (Database Management System – Part 2)	3	30	30		
28	010504	Lập trình C#.NET (C# Programming)	4	30	60		
29		Lập trình Web (Web Programming)	4	30	60		
30	010585	Lập trình Java (Java Programming)	3	30	30		
31	010648	An toàn thông tin	3	30	30		

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT			GHI CHÚ
				LT	TH	TH tích hợp	
		(Information Security)					
32	010592	Khai phá dữ liệu (Data Mining)	3	30	30		
33	010720	Lập trình trên thiết bị di động (Mobile Programming)	3	30	30		
34	010720	Điện toán đám mây (Cloud Computing)	3	30	30		
35	010588	Phân tích và thiết kế hướng đối tượng (Object Oriented Analysis and Design)	3	30	30		Chọn 6 tín chỉ
36	011062	Quản trị dự án công nghệ thông tin (Information Technology Project Management)	3	30	30		
37		Kiểm thử phần mềm (Software Testing)	3	30	30		
38		Phát triển hệ thống thông tin trên các framework (Information System Development on Frameworks)	3	30	30		
39	010594	Hệ hỗ trợ ra quyết định	3	30	30		

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT			GHI CHÚ
				LT	TH	TH tích hợp	
		(Decision Support Systems)					
40		Quản trị Web (Web Management)	3	30	30		
41	010589	Thực hành nghề nghiệp (Practicum)	2		60		Thực tập tại doanh nghiệp
		TỔNG	43	390	510		

9.2.2.3. Kiến thức bổ trợ 6 Tín chỉ

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT			GHI CHÚ
				LT	TH	TH tích hợp	
42	010630	Nguyên lý Marketing (Principles of Marketing)	3	30		15	
43	010145	Quản trị quan hệ khách hàng (Customer Relationship Management)	3	30		15	
44	010138	Quản trị chuỗi cung ứng (Supply Chain Management)	3	30		15	
45	010196	Quản trị bán hàng	3	30		15	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT			GHI CHÚ
				LT	TH	TH tích hợp	
		(Sales Management)					
46	010539	Marketing kỹ thuật số (Digital Marketing)	3	30		15	
47	010065	Quản trị chiến lược (Strategic Management)	3	30		15	
		TỔNG	6	60		30	

9.2.2.4. Thực tập tốt nghiệp và viết khóa luận tốt nghiệp 8 Tín chỉ

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT			GHI CHÚ
				LT	TH	TH tích hợp	
48	010605	Thực tập tốt nghiệp và viết khóa luận tốt nghiệp (Internship and Writing Thesis)	8		240		Thực tập tại doanh nghiệp
		TỔNG	8		240		

Ghi chú: Những sinh viên không đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp sẽ phải học bổ sung thêm 3 môn (8 tín chỉ)

STT	MÃ	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	GHI CHÚ
-----	----	--------------	----	---------	---------

	HP			LT	TH	TH tích hợp	
1	011060	Thực tập tốt nghiệp (Internship)	3		90		
2		Quản trị Web (Web Management)	3	30	30		
3	010266	Thương mại điện tử (E-Commerce)	2	15		15	
		TỔNG	8	45	150	15	

10. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

10.1. Học kỳ I

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	SỐ TIẾT			GHI CHÚ
				LT	TH	TH tích hợp	
1	010025	Toán cao cấp	4	45		15	
2	010027	Tin học đại cương	4	45	30		
3	010069	Cơ sở lập trình	3	30	30		
4	010031	Kinh tế vi mô 1	3	45			
5	010633	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin I	2	30			

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	SỐ TIẾT			GHI CHÚ
				LT	TH	TH tích hợp	
6		Giáo dục thể chất	1				
7		Giáo dục quốc phòng	8				
		TỔNG CỘNG	16	195	60	15	

10.2. Học kỳ II

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	SỐ TIẾT			GHI CHÚ
				LT	TH	TH tích hợp	
1	010640	Anh văn căn bản 1	3	30		15	
2	010634	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3	45			
3	010032	Kinh tế vĩ mô 1	3	45			
4	010070	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	30	30		
5	010026	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	30		15	
6		Giáo dục thể chất	1				
		TỔNG CỘNG	15	180	30	30	

10.3. Học kỳ III

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	SỐ TIẾT			GHI CHÚ
				LT	TH	TH tích hợp	
1	010022	Anh văn căn bản 2	3	30		15	
2	010016	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30			
3	010043	Toán rời rạc	3	30		15	
4	010033	Quản trị học	3	30		15	
5	010071	Cơ sở dữ liệu	3	30	30		
6	010038	Nguyên lý kế toán	3	30		15	
7		Giáo dục thể chất	1				
		TỔNG CỘNG	17	180	30	60	

10.4. Học kỳ IV

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	SỐ TIẾT			GHI CHÚ
				LT	TH	TH tích hợp	
1	010023	Anh văn căn bản 3	3	30		15	
2	010017	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	45			
3	010045	Hệ thống thông tin quản lý	3	30	30		

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	SỐ TIẾT			GHI CHÚ
				LT	TH	TH tích hợp	
4		Hệ quản trị cơ sở dữ liệu 1	3	30	30		
5	010018	Pháp luật đại cương	3	30		15	
6		Giáo dục thể chất	1				
		TỔNG CỘNG	15	165	60	15	

10.5. Học kỳ V

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	SỐ TIẾT			GHI CHÚ
				LT	TH	TH tích hợp	
1	010024	Anh văn căn bản 4	3	30		15	
2	010504	Lập trình C#.NET	4	30	60		
3	010581	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	3	30	30		
4	010720	Điện toán đám mây	3	30	30		
5	Học phần tự chọn (kiến thức bổ trợ)						
	010588	Phân tích và thiết kế hướng đối tượng	3	30	30		Chọn 3 tín chỉ
	011062	Quản trị dự án công nghệ thông tin	3	30	30		

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	SỐ TIẾT			GHI CHÚ
				LT	TH	TH tích hợp	
		Kiểm thử phần mềm	3	30	30		
		Phát triển hệ thống thông tin trên các framework	3	30	30		
	010594	Hệ hỗ trợ ra quyết định	3	30	30		
		Quản trị Web	3	30	30		
		TỔNG CỘNG	16	150	150	15	

10.6. Học kỳ VI

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	SỐ TIẾT			GHI CHÚ
				LT	TH	TH tích hợp	
1		Lập trình Web	4	30	60		
2	010585	Lập trình Java	3	30	30		
3	010580	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	3	30	30		
4	Học phần tự chọn (kiến thức bổ trợ)						
	010588	Phân tích và thiết kế hướng đối	3	30	30		Chọn 3

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	SỐ TIẾT			GHI CHÚ
				LT	TH	TH tích hợp	
		tượng					tín chỉ
	011062	Quản trị dự án công nghệ thông tin	3	30	30		
		Kiểm thử phần mềm	3	30	30		
		Phát triển hệ thống thông tin trên các framework	3	30	30		
	010594	Hệ hỗ trợ ra quyết định	3	30	30		
		Quản trị Web	3	30	30		
5	Học phần tự chọn (kiến thức bổ trợ)						
	010630	Nguyên lý Marketing	3	30		15	Chọn 3 tín chỉ
	010145	Quản trị quan hệ khách hàng	3	30		15	
	010138	Quản trị chuỗi cung ứng	3	30		15	
	010196	Quản trị bán hàng	3	30		15	
	010539	Marketing kỹ thuật số	3	30		15	
	010065	Quản trị chiến lược	3	30		15	
		TỔNG CỘNG	16	150	150	15	

10.7. Học kỳ VII

STT	MÃ	TÊN HỌC PHẦN	SỐ	SỐ TIẾT	GHI
-----	----	--------------	----	---------	-----

	HP		TC	LT	TH	TH tích hợp	CHÚ
1	010720	Lập trình trên thiết bị di động	3	30	30		
2		Hệ quản trị cơ sở dữ liệu 2	3	30	30		
3	010648	An toàn thông tin	3	30	30		
	010592	Khai phá dữ liệu	3	30	30		
4	010589	Thực hành nghề nghiệp	2		60		
5	Học phần tự chọn (kiến thức bổ trợ)						
	010630	Nguyên lý Marketing	3	30		15	
	010145	Quản trị quan hệ khách hàng	3	30		15	
	010138	Quản lý chuỗi cung ứng	3	30		15	Chọn 3 tín chỉ
	010196	Quản trị bán hàng	3	30		15	
	010539	Marketing kỹ thuật số	3	30		15	
	010539	Quản trị chiến lược	3	30		15	
		TỔNG CỘNG	17	150	180	15	

10.8. Học kỳ VIII

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	SỐ TIẾT		GHI CHÚ
				LT	TH	
1	010605	Thực tập tốt nghiệp và viết khóa luận tốt nghiệp	8		240	

Ghi chú: Những sinh viên không đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp sẽ phải học bổ sung thêm 3 môn (8 tín chỉ)

STT	Mã HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT			GHI CHÚ
				LT	TH	TH tích hợp	
1	011060	Thực tập tốt nghiệp (Intership)	3		90		
2		Quản trị Web (Web Management)	3	30	30		
3	010266	Thương mại điện tử (E-Commerce)	2	15		15	
TỔNG			8	45	150	15	

11. MÔ TẢ VẮN TẮT NỘI DUNG VÀ KHỐI LƯỢNG CÁC HỌC PHẦN

1) Tin học đại cương: 4 Tín chỉ

- Tên Tiếng Anh: **Basic Informatics**
- Điều kiện tiên quyết: Không
- Mục tiêu đào tạo học phần: Cung cấp kiến thức cơ bản về tin học xét trên quan điểm của người ứng dụng. Học phần đề cập đến các khối kiến thức: Hệ điều hành Windows và các tiện ích của hệ điều hành; Soạn thảo văn bản với MS. Word; Xử lý bảng tính với MS. Excel; Trình diễn với PowerPoint; Internet và MS. Office Outlook (phiên bản từ 2013 trở về sau); Phần mềm tiện ích và bảo mật. Học phần giúp sinh viên nâng cao kỹ năng soạn thảo văn bản, xử lý dữ liệu với bảng tính, soạn bài thuyết trình, quản lý hộp mail thông qua MS. Office Outlook, tìm kiếm tài liệu trên Internet, sử dụng các phần mềm tiện ích và bảo mật phục vụ học tập và làm việc sau khi sinh viên tốt nghiệp.

– Tài liệu tham khảo:

[1] Joan Lambert (2015), Steve Lambert, *Windows 10 Step by Step*, Microsoft Press.

[2] Joan Lambert, Curtis Frye (2015), *Microsoft Excel 2016 Step by Step*, Microsoft Press.

[3] Joan Lambert (2015), *Microsoft Word 2016 Step by Step*, Microsoft Press.

[4] Joan Lambert (2015), *Microsoft Word 2016 Step by Step*, Microsoft Press.

[5] Joan Lambert (2015), *Microsoft Outlook 2016 Step by Step*, Microsoft Press.

[6] Trần Minh Tùng, Trương Đình Hải Thụy, Đinh Xuân Thọ, Nguyễn Thanh Trường, Nguyễn Thị Trần Lộc, Trần Trọng Hiếu, Trần Thanh San, Lâm Hoàng Trúc Mai, Trương Xuân Hương, Phạm Thủy Tú (2015), *Giáo trình Tin học Đại cương – tái bản lần 3*, NXB Giao thông Vận tải.

2) Toán rời rạc:.....3 Tín chỉ

– Tên Tiếng Anh: **Discrete Mathematics**

– Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp.

– Mục tiêu đào tạo học phần: Cung cấp những kiến thức tối thiểu của toán học rời rạc dùng làm cơ sở cho việc học tập chuyên sâu về khoa học máy tính, ở cả hai lĩnh vực phần cứng và phần mềm. Những vấn đề cơ bản thuộc lý thuyết tập hợp, logic toán, đại số mệnh đề, đại số quan hệ, lý thuyết thuật toán, lý thuyết đồ thị hữu hạn và kỹ thuật số sẽ được đề cập đến. Học phần sẽ giúp sinh viên hình thành được lối tư duy logic, rành mạch, chính xác và có cách nhìn “rời rạc hoá những quá trình liên tục”, nhờ vậy sinh viên có thể tiếp thu dễ dàng hơn những kiến thức sâu rộng đang phát triển không ngừng trong lĩnh vực công nghệ thông tin.

– Tài liệu tham khảo:

[1] Đinh Ngọc Thanh, Nguyễn Văn Phong, Nguyễn Trung Đông, Nguyễn Duy Nhất (2013), *Toán Rời Rạc (luu hành nội bộ)*.

[2] Đỗ Văn Nhơn (2014), *Toán rời rạc*, NXB Đại học Quốc gia Tp.HCM.

[3] Đỗ Đức Giao (2009), *Toán rời rạc ứng dụng trong tin học*, NXB Giáo dục.

[4] Kenneth H. Rosen (2012), *Discrete mathematics and its applications seventh edition*, McGraw-Hill.

3) Hệ thống thông tin quản lý:3 Tín chỉ

– Tên Tiếng Anh: **Management Information Systems**

– Điều kiện tiên quyết: Tin học đại cương

– Mục tiêu đào tạo học phần: Cung cấp kiến thức tin học và kinh tế để giải quyết các bài toán liên quan lĩnh vực kinh tế; Cách tiếp cận khảo sát hiện trạng và nhu cầu; Kỹ năng phân tích, thiết kế hệ thống, cách thiết kế các mô hình dòng dữ liệu, sơ đồ phân cấp chức năng, sơ đồ khối, quy trình nghiệp vụ; Mức độ tin học hóa các quy trình nghiệp vụ trong doanh nghiệp; Cách thức tổ chức, xây dựng và triển khai một hệ thống thông tin quản lý trong doanh nghiệp. Phân loại các hệ thống thông tin và tầm quan trọng của chất lượng dữ liệu đối với các hệ thống thông tin quản lý. Thực hành thành thạo trên phần mềm chuyên dụng.

– Tài liệu tham khảo:

[1] David T. Bourgeois (2014), *Information Systems for Business and Beyond*.

[2] Kenneth C. Laudon and Jane. P. Laudon (2014), *Management Information Systems: Managing the Digital Firm*, Pearson Education.

[3] Lâm Hoàng Trúc Mai, *Bài giảng Hệ thống thông tin quản lý*, Khoa Công nghệ Thông tin – Trường Đại học Tài chính – Marketing.

[4] Mac GrawHill (2012), *Management Information System*.

[5] Thomson Corp (2005), *Management Information Systems*.

4) Cơ sở lập trình:3 Tín chỉ

– Tên Tiếng Anh: **Basic Programming**

– Điều kiện tiên quyết: Không

- Mục tiêu đào tạo học phần: Cung cấp những khái niệm và nguyên lý cơ bản của việc thiết kế thuật toán và lập chương trình cho máy tính điện tử. Sau khi hoàn tất học phần, sinh viên sẽ nắm được những kiến thức cơ sở về thuật toán và chương trình, các cấu trúc dữ liệu tiền định trong ngôn ngữ thuật toán, các cấu trúc điều khiển, các kỹ thuật lập trình căn bản để giải các bài toán quản lý mà đặc biệt là kỹ thuật thiết kế “trên xuống (*Top – Down Design*)” và kỹ thuật lập chương trình con. Một ngôn ngữ lập trình thông dụng sẽ được dùng làm phương tiện để trình bày.

- Tài liệu tham khảo:

[1] Herbert Schildt (2012), *C++ A Beginner's Guide*, Osborne/McGraw Hill.

[2] Phạm Thủy Tú, Trần Trọng Hiếu (2014), *Bài giảng Cơ sở lập trình*, Khoa Công nghệ Thông tin, Trường Đại học Tài chính – Marketing.

[3] Tim Warren (2015), *C Programming For Beginners*.

5) Cấu trúc dữ liệu và giải thuật:3 Tín chỉ

- Tên Tiếng Anh: **Data Structures and Algorithms**

- Điều kiện tiên quyết: Cơ sở lập trình

- Mục tiêu đào tạo học phần: Cung cấp kiến thức và tầm quan trọng của giải thuật và cách tổ chức dữ liệu. Các kiểu cấu trúc dữ liệu thông dụng và các giải thuật trên các cấu trúc dữ liệu ấy. Các kiểu cấu trúc dữ liệu được nghiên cứu bao gồm: Danh sách (List), Mảng (Array), Danh sách liên kết (Linked List), Ngăn xếp (Stack), Hàng đợi (Queue), Cây (Tree) và Đồ thị (Graph).

- Tài liệu tham khảo:

[1] Kurt Mehlhorn & Peter Sanders (2008), *Data Structures and Algorithms*.

[2] Narasimha Karumanchi (2016), *Data Structures and Algorithms*.

[3] Phạm Thủy Tú (2016), *Bài giảng Cấu trúc dữ liệu và giải thuật*, Khoa Công nghệ thông tin, Trường Đại học Tài chính – Marketing.

6) Cơ sở dữ liệu:3 Tín chỉ

- Tên Tiếng Anh: **Databases**
- Điều kiện tiên quyết: Tin học đại cương, Toán rời rạc
- Mục tiêu đào tạo học phần: Cung cấp những kiến thức cơ bản về cơ sở dữ liệu và kỹ năng thực hành thành thạo ngôn ngữ truy vấn SQL trên hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server thông qua các ngôn ngữ con gồm: ngôn ngữ định nghĩa dữ liệu (DDL), ngôn ngữ thao tác dữ liệu (DML), ngôn ngữ điều khiển dữ liệu (DCL). Mô hình quan hệ và đại số quan hệ. Ràng buộc toàn vẹn và lý thuyết thiết kế cơ sở dữ liệu. Cách tạo cơ sở dữ liệu, sao lưu và phục hồi cơ sở dữ liệu. Thực hành thành thạo ngôn ngữ truy vấn SQL và cài đặt ràng buộc toàn vẹn dữ liệu trên nền SQL Server.
- Tài liệu tham khảo:
 - [1] C.J.Date, *SQL and Relational Theory, 3rd Edition*, O'Reilly Media, 2015.
 - [2] Nguyễn Đăng Ty, Đỗ Phúc (2010), *Cơ sở dữ liệu*, NXB Đại học Quốc gia Tp.HCM.
 - [3] Ramez Elmasri, Shamkant B. Navathe (2011), *Fundamental of Database Systems*, Addison-Wesley.
 - [4] Trần Minh Tùng (2014), *Bài giảng Cơ sở dữ liệu*, Khoa Công nghệ Thông tin – Trường Đại học Tài chính – Marketing.

7) Hệ quản trị cơ sở dữ liệu 13 Tín chỉ

- Tên Tiếng Anh: **Database Management System – Part I**
- Điều kiện tiên quyết: Cơ sở dữ liệu
- Mục tiêu đào tạo học phần: Cung cấp kiến thức về hệ quản trị cơ sở dữ liệu như: các tính năng, tiện ích và cơ chế đăng nhập, cấu trúc cơ sở dữ liệu SQL Server; Cách tạo chỉ mục, khung nhìn, thủ tục và hàm; Cách thiết lập kết nối truy xuất theo cơ chế máy chủ và máy trạm; Cài đặt ràng buộc toàn vẹn dữ liệu cho ngôn ngữ định nghĩa dữ liệu và ngôn ngữ thao tác dữ liệu; Xử lý dữ liệu với bảng tạm cục bộ và bảng tạm toàn

cục; Quản lý truy xuất dữ liệu trong môi trường nhiều người dùng; Các cơ chế khóa và quản lý giao dịch; Sao lưu, phục hồi cơ sở dữ liệu và quản trị người dùng.

– Tài liệu tham khảo:

[1]. Gary B. Shelly, Harry J. Rosenblatt (2012), *Systems Analysis and Design, Ninth Edition*, Cengage Learning.

[2]. Marek Chmel, Vladimir Muzny (2017), *SQL Server 2017 Administrators Guide*.

[3]. Ross Mistry, Stacia Misner (2014), *Introducing Microsoft SQL Server 2014*, Microsoft Press.

[4]. Trần Minh Tùng, Trần Thanh San (2014), *Bài giảng Hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server*, Khoa Công nghệ Thông tin – Trường Đại học Tài chính – Marketing.

8) Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin:.....3 Tín chỉ

– Tên Tiếng Anh: **Information System Analysis and Design**

– Điều kiện tiên quyết: Cơ sở dữ liệu

– Mục tiêu đào tạo học phần: cung cấp kiến thức và phương pháp phân tích, thiết kế cơ sở dữ liệu để giải quyết các bài toán ứng dụng liên quan đến lĩnh vực kinh tế; Các phương pháp khảo sát hiện trạng và yêu cầu khi xây dựng một hệ thống thông tin quản lý; Cách tiếp cận để phân tích, thiết kế và cài đặt cơ sở dữ liệu trên các hệ quản trị cơ sở dữ liệu khác nhau như: SQL Server, Oracle, mySQL,... dựa trên kết quả khảo sát hiện trạng và yêu cầu nhằm đạt mục tiêu đề ra khi tin học hóa các hệ thống thông tin quản lý trong môi trường nhiều người dùng; Cách phát hiện và cài đặt các ràng buộc toàn vẹn; Cách tiếp cận khi phân tích, thiết kế và mô hình xử lý.

– Tài liệu tham khảo:

[1]. Igor Hawryszkiewicz (2015), *Introduction to System Analysis and Design*.

[2]. Shouhong Wang, Hi Wang, (2012), *Information System Analysis And Design*.

[3]. Trần Minh Tùng, *Bài giảng Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin*, Khoa Công nghệ Thông tin – Trường Đại học Tài chính – Marketing.

[4]. V Rajaraman (2015), *Analysis And Design Of Information System*, PHI Learning.

9) Hệ quản trị cơ sở dữ liệu 2:3 Tín chỉ

- Tên tiếng Anh: **Database Management System – Part II**
- Điều kiện tiên quyết: Cơ sở dữ liệu
- Mục tiêu đào tạo học phần: Được trang bị các kiến thức chuyên sâu về kiến trúc hệ quản trị cơ sở dữ liệu Oracle, truy xuất cơ sở dữ liệu đồng thời, thiết lập kết nối theo mô hình máy trạm/ máy chủ (client/server); Cấu trúc cơ sở dữ liệu Oracle; Ngôn ngữ truy vấn PL/SQL; cú pháp các câu lệnh tạo và hủy khung nhìn, thủ tục, hàm và gói. Cấu trúc các khối lệnh bên trong mỗi câu lệnh cùng với những ưu điểm khi người dùng truy xuất dữ liệu thông qua các đối tượng này và xử lý các ngoại lệ. Trang bị kiến thức tạo cơ sở dữ liệu, khởi động và tắt cơ sở dữ liệu trong hệ quản trị cơ sở dữ liệu Oracle; Các hoạt động và dịch vụ mạng; Quản lý truy xuất đồng thời trong môi trường nhiều người dùng; Cài đặt ràng buộc toàn vẹn; Quản trị người dùng.
- Tài liệu tham khảo:
 - [1]. Joan Casteel (2017), *Oracle 12C: SQL*, Oracle.
 - [2]. Mary Beth Roeser (2017), *Oracle Database SQL Language Reference, 12c Release 1*, Oracle, 2017.
 - [3]. Michael McLaughlin (2017), *Oracle Database 12c PL/SQL Programming*, Oracle.
 - [4]. Trần Minh Tùng, *Bài giảng Hệ quản trị cơ sở dữ liệu Oracle*, Khoa Công nghệ Thông tin – Trường Đại học Tài chính – Marketing.

10) Lập trình C#.NET4 Tín chỉ

- Tên tiếng Anh: **C#.Net Programming**
- Điều kiện tiên quyết: Cơ sở lập trình, Cấu trúc dữ liệu và giải thuật

- Mục tiêu đào tạo học phần: Cung cấp kiến thức lập trình hướng đối tượng dựa trên ngôn ngữ C#.NET. Xây dựng các ứng dụng trên Windows Application và Console Application thông qua các hàm và thủ tục do người dùng định nghĩa trong lớp hoặc không gian tên. Xây dựng các ứng dụng với các điều khiển thông dụng và lập trình thông qua các lớp kế thừa nhằm tăng tính mở rộng, tính sử dụng lại,... trong kỹ thuật lập trình hướng đối tượng; cách kết nối và lập trình truy xuất dữ liệu và các đối tượng cơ sở dữ liệu trong các hệ quản trị cơ sở dữ liệu như: MySQL, SQL Server, Oracle; Truy xuất và thực hiện các thao tác với cơ sở dữ liệu thông qua các đối tượng SqlCommand, SqlDataAdapter,...; Gọi và thực thi các hàm, thủ tục và khung nhìn được lưu trữ trong SQL Server và Oracle; Trình diễn dữ liệu và thiết kế các mẫu báo cáo thông qua đối tượng Crystal Report khi triển khai các hệ thống thông tin quản lý trong các doanh nghiệp
- Tài liệu tham khảo:
 - [1]. John Sharp (2013), *Microsoft Visual C# 2013 Step by Step*, Microsoft Press.
 - [2]. John Sharp (2013), *Microsoft Visual C# Step by Step, 8th Edition*, Microsoft Press.
 - [3]. Nguyễn Thanh Trường, *Bài giảng Lập trình C#.NET*, Khoa Công nghệ Thông tin – Trường Đại học Tài chính – Marketing.

11) Lập trình Web4 Tín chỉ

- Tên tiếng Anh: **Web Programming**
- Điều kiện tiên quyết: Cấu trúc dữ liệu và giải thuật
- Mục tiêu đào tạo học phần: Cung cấp kiến thức căn bản về phần mềm thiết kế Web theo công nghệ của Microsoft; Cấu trúc tổ chức tập tin HTML và ngôn ngữ lập trình VB.NET hoặc C# hỗ trợ việc thiết kế Web; Các thư viện hàm và các cấu trúc điều khiển khi xây dựng các ứng dụng Web; Cách thức xây dựng một dự án Web với ASP.NET MVC cùng các công cụ thiết kế; Truy xuất cơ sở dữ liệu SQL Server thông

qua ngôn ngữ VB.NET hoặc C#; Bảo mật trong ASP.NET; Thiết kế Website thương mại điện tử.

– Tài liệu tham khảo:

- [1]. Adam Freeman (2017), *Pro ASP.NET MVC 5 Platform*, Apress.
- [2]. Erik Reitan (2014), *Getting Started with ASP.NET 4.5 Web Forms and Visual Studio 2013*, Microsoft Corporation.
- [3]. Hans-Petter Halvorsen (2016), *Microsoft ASP.Net Web Programming*, Microsoft Corporation.
- [4]. Jim Buyens, *Web Database Development Step by Step*, Microsoft Corporation.
- [5]. Jon Galloway, Brad Wilson, K. Scott Allen, David Matson (2017), *Professional ASP.NET MVC 5*, Apress.
- [6]. Lê Đình Ngân (2017), *Bài giảng Kỹ thuật lập trình ASP.NET*.
- [7]. Nimit Joshi (2017), *Programming ASP.NET MVC 5*
- [8]. Pieter van der Westhuizen (2017), *Bootstrap for ASP.NET MVC*

12) Lập trình Java3 Tín chỉ

- Tên tiếng Anh: **Java Programming**
- Điều kiện tiên quyết: Cơ sở dữ liệu, Cấu trúc dữ liệu và giải thuật
- Mục tiêu đào tạo học phần: Cung cấp các kiến thức căn bản về ngôn ngữ lập trình java; cách thiết kế một dự án với java; khai báo biến, các toán tử, cấu trúc điều khiển; cách thức truy xuất và xử lý dữ liệu; xây dựng ứng dụng với các framework
- Tài liệu tham khảo:
 - [1]. David J. Eck (2014), *Introduction to Programming Using Java*
 - [2]. Herbert Schildt (2014), *Java: A Beginner's Guide*
 - [3]. Nguyễn Thanh Trường, *Bài giảng Lập trình Java*, Khoa Công nghệ Thông tin – Trường Đại học Tài chính – Marketing.

[4]. Richard Warburton (2017), *Object-Oriented vs. Functional Programming*

[5]. Raoul-Gabriel Urma (2017), *Introducing Java 8*

13) An toàn thông tin3 Tín chỉ

- Tên tiếng Anh: **Information Security**
- Điều kiện tiên quyết: Hệ quản trị Cơ sở dữ liệu, SQL Server
- Mục tiêu đào tạo học phần: Cung cấp kiến thức cơ bản về bảo mật và an toàn dữ liệu; tầm quan trọng của an toàn thông tin trong kỷ nguyên internet; các phương thức tấn công thâm nhập hệ thống mạng; các phương pháp mã hoá đối xứng và cơ sở hạ tầng khoá công khai, chứng thực điện tử và một số giải pháp bảo mật khác.
- Tài liệu tham khảo:
 - [1]. Douglas R. Stinson (2015), *Cryptography Theory and Practice*, University of Nebraska- Lincoln.
 - [2]. Man Young Rhee, Wilay(2016), *Internet Security - Cryptographic Principles, Algorithms and Protocols*.
 - [3]. Michael Nieves, Kelley Dempsey, Victoria Yan Pillitteri (2017), *An Introduction to Information Security*.
 - [4]. Tony Campbell (2017), *Practical Information Security Management*
 - [5]. Trần Thanh San (2017), *Bài giảng An toàn thông tin*, Khoa Công nghệ Thông tin – Trường Đại học Tài chính - Marketing.

14) Khai phá dữ liệu3 Tín chỉ

- Tên tiếng Anh: **Data Mining**
- Điều kiện tiên quyết: Cơ sở dữ liệu, SQL Server
- Mục tiêu đào tạo học phần: cung cấp những kiến thức căn bản của khai phá dữ liệu: được xem như là một bước của quá trình khám phá tri thức. Cách thực hiện các bước cốt lõi trong khai phá dữ liệu như: xác định vấn đề và không gian dữ liệu để giải quyết

vấn đề, chuẩn bị dữ liệu (làm sạch dữ liệu, tích hợp dữ liệu, chọn dữ liệu, biến đổi dữ liệu,...). khai thác dữ liệu, đánh giá kết quả và triển khai. Trong mỗi bước, sinh viên cũng được làm quen với một vài thuật toán căn bản để sử dụng khi khai phá dữ liệu (thuật toán gom cụm, thuật toán phân nhóm, thuật toán luật kết hợp,...). Sinh viên thực hành và tìm ra những kết quả khi tiến hành khai phá dữ liệu trên các bộ dữ liệu có kích thước lớn.

– Tài liệu tham khảo:

- [1]. Jiawei Han, Micheline Kamber, Jian Pei (2012), *Data Mining: Concepts and Techniques Third Edition*, Elsevier
- [2]. Mohammed Zaki and Wagner Meira Jr (2014), *Data Mining and Analysis: Fundamental Concepts and Algorithms*, Cambridge University Press.
- [3]. M.M. Gaber(2017), *Scientific Data Mining and Knowledge Discovery — Principles and Foundations*, Springer.
- [4]. Nguyễn Thị Trần Lộc (2017), *Bài giảng khai phá dữ liệu*, Khoa Công nghệ Thông tin – Trường Đại học Tài chính – Marketing.

15) Quản trị dự án công nghệ thông tin3 Tín chỉ

– Tên tiếng Anh: **Information Technology Project Management**

– Điều kiện tiên quyết: Cơ sở dữ liệu, Hệ thống thông tin quản lý

– Mục tiêu đào tạo học phần: Cung cấp những khái niệm về dự án, phân loại dự án, các giai đoạn xây dựng một dự án phần mềm. Xây dựng đề cương dự án phần mềm. Tổ chức thực hiện dự án. Lập kế hoạch và triển khai dự án phần mềm thông qua sơ đồ Pert, sơ đồ Grantt. Quản trị rủi ro và ước lượng chi phí dự án khi triển khai một dự án phần mềm phục vụ các hoạt động của doanh nghiệp.

– Tài liệu tham khảo:

- [1]. Carl Chatfield, PMP, Timothy Johnson (2013), MCTS, *Microsoft Project 2013*, Microsoft Press.

[2]. D. Murray, N. Sandford (2013), *Software Engineering Project Management*, University of London.

[3]. Harold Kerzner (2013), *Project Management: A Systems Approach to Planning, Scheduling, and Controlling, 11th Edition*, Wiley.

[4]. James Cadle, Donald Yeates (2016), *Project Management for Information Systems*, Pearson.

[5]. Trần Minh Tùng, *Bài giảng Quản trị dự án phần mềm*, Khoa Công nghệ Thông tin – Trường Đại học Tài chính – Marketing.

16) Điện toán đám mây3 Tín chỉ

- Tên tiếng Anh: **Cloud Computing**
- Điều kiện tiên quyết: Cơ sở dữ liệu, SQL Server
- Mục tiêu đào tạo học phần: cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản về điện toán đám mây và các nguồn tài nguyên khổng lồ như: phần mềm, dịch vụ,...; ba mô hình cơ bản của điện toán đám mây gồm: dịch vụ cung cấp cơ sở hạ tầng, dịch vụ cung cấp nền tảng và dịch vụ phần mềm. Với các dịch vụ sẵn có của điện toán đám mây trên mạng Internet, các tổ chức và doanh nghiệp chỉ cần tập trung vào kinh doanh lĩnh vực riêng nhưng không phải trang bị một hệ thống máy tính, các phần mềm chuyên dụng, đội ngũ bảo trì,... vì đã có những công ty dịch vụ điện toán đám mây đảm nhận cơ sở hạ tầng và phần mềm ứng dụng. Ngoài ra, sinh viên cũng sẽ được làm quen và sử dụng một số các công cụ được cung cấp miễn phí trên mạng Internet bao gồm: Google Cloud, Icloud, DropBox, Zoho,...
- Tài liệu tham khảo:
 - [1]. Jansen, Wayne & Grance, Timothy, *Guidelines on Security and Privacy in Public Cloud Computing*, National Institute of Standards and Technology, 2011.
 - [2]. Strowd, Harrison & Lewis, Grace (2010), *T - Check in System – of - Systems Technologies: Cloud Computing*, Carnegie Mellon University.

- [3]. Tôn Thất Hòa An (2017), *Bài giảng Điện toán đám mây*, Khoa Công nghệ Thông tin – Trường Đại học Tài chính – Marketing.

17) Thương mại điện tử3 Tín chỉ

- Tên tiếng Anh: **E-Commerce**
- Điều kiện tiên quyết: Cơ sở dữ liệu
- Mục tiêu đào tạo học phần: Cung cấp kiến thức về các mô hình kinh doanh trên mạng Internet, các thành phần cấu tạo nên một hệ thương mại điện tử, cách thức kinh doanh, thanh toán trong thương mại điện tử; những thuận lợi và khó khăn khi tiến hành kinh doanh trực tuyến; kỹ năng nhận biết các mô hình kinh doanh trên mạng Internet; cách thức tấn công và các giải pháp phòng chống tấn công mạng thương mại điện tử; cách thức giao dịch và thanh toán trên mạng Internet,...
- Tài liệu tham khảo:
 - [1]. Paul J. Deitel, Harvey M. Deitel, Tem R. Nieto (2014), *The Complete E-Commerce and E-Business Training Course*.
 - [2]. Nguyễn Thị Trần Lộc, *Bài giảng Thương mại điện tử*, Khoa Công nghệ Thông tin – Trường Đại học Tài chính – Marketing.
 - [3]. Tanner Larsson (2016), *Ecommerce Evolved: The Essential Playbook To Build, Grow & Scale A Successful Ecommerce Business*

18) Hệ hỗ trợ ra quyết định3 tín chỉ

- Tên tiếng Anh: **Decision Support System**
- Điều kiện tiên quyết: Cơ sở dữ liệu, Cấu trúc dữ liệu và giải thuật
- Mục tiêu đào tạo học phần: Cung cấp kiến thức về hệ hỗ trợ quyết định gồm: khái niệm, cấu trúc, đặc trưng và các thành phần của hệ hỗ trợ quyết định, quản lý và khai thác dữ liệu, các mô hình được sử dụng trong hệ hỗ trợ quyết định và các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng mô hình, triển khai và ứng dụng hệ hỗ trợ quyết định để giải quyết các bài toán đa mục tiêu.

- Tài liệu tham khảo:

- [1]. Clyde W. Holsapple and Frada Burstein (2008), *Handbook on Decision Support Systems*, Berlin/Heidelberg: Springer-Verlag.
- [2]. Lê Văn Dực (2015), *Hệ hỗ trợ quyết định*, Trường Đại học Bách Khoa Tp.HCM.
- [3]. Lâm Hoàng Trúc Mai, *Bài giảng Hệ hỗ trợ ra quyết định*, Khoa Công nghệ Thông tin – Trường Đại học Tài chính – Marketing.
- [4]. Ramanathan Sugumaran, John DeGroote (2011), *Spatial Decision Support Systems*, Taylor and Francis Group.

19) Lập trình trên thiết bị di động.....4 tín chỉ

- Tên tiếng Anh: **Mobile Programming**
- Điều kiện tiên quyết: Cơ sở dữ liệu, Cấu trúc dữ liệu và giải thuật, Lập trình Java.
- Mục tiêu đào tạo học phần: Cung cấp các kiến thức về cách thức lập trình trên thiết bị di động với hệ điều hành mã nguồn mở Android; cách thức khai báo biến, toán tử và cấu trúc điều khiển; cách thức truy xuất và thao tác với cơ sở dữ liệu; Phương pháp thiết kế một ứng dụng trên thiết bị di động.
- Tài liệu tham khảo:
 - [1]. Barry Burd (2016), *Android Application Development*.
 - [2]. Maximiliano Firtman (2017), *Programming the Mobile Web*, O'Reilly Media
 - [3]. Matt Neuburg (2017), *iOS Programming Fundamentals with Swift*
 - [4]. Phạm Thủy Tú, *Bài giảng lập trình trên thiết bị di động*, Khoa Công nghệ Thông tin – Trường Đại học Tài chính – Marketing.

20) Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp.....3 Tín chỉ

- Tên tiếng Anh: **Enterprise Resource Planning System**
- Điều kiện tiên quyết: Cơ sở dữ liệu, Hệ thống thông tin quản lý.

- Mục tiêu đào tạo học phần: Cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quát về lĩnh vực ERP trong hệ thống quản trị doanh nghiệp, các nghiệp vụ kinh doanh chính trong doanh nghiệp và tích hợp (integrated, cross-functional) giữa các nghiệp vụ. Hiểu và nắm vững các khái niệm trong ERP, quá trình triển khai ERP cho một doanh nghiệp và sự tích hợp các nghiệp vụ kinh doanh vào hệ thống ERP. Sinh viên có thể tham gia vào các hoạt động của một công ty triển khai ERP như: Tư vấn nghiệp vụ (Business consultant), Tư vấn kỹ thuật (Technical consultant), Phân tích hệ thống (Business Analysis), ... cũng như tham gia vào các hoạt động quản trị một hệ thống ERP đã được triển khai với vai trò là một chuyên viên IT của doanh nghiệp.

– Phần mềm sử dụng: Phần mềm về ERP.

– Tài liệu tham khảo:

[1]. Ellen F. Monk and Bret J. Wagner (2013), *Concepts in Enterprise Resource Planning, Fourth Edition*, Cengage Learning.

[2]. Lâm Hoàng Trúc Mai, *Bài giảng Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp*, Khoa Công nghệ Thông tin – Trường Đại học Tài chính - Marketing.

[3]. Simha R. Magal, Jeffrey Word (2011), *Essentials of Business Processes and Information Systems*, WILEY.

[4]. Ralph M. Stair, Geogre W. Reynolds (2010), *Principles of Information Systems – A Managerial Approach, Ninth edition*.

21) Phân tích và thiết kế hướng đối tượng.....3 Tín chỉ

– Tên tiếng Anh: **Object Oriented Analysis and Design**

– Điều kiện tiên quyết: Cơ sở dữ liệu, Hệ thống thông tin quản lý

- Mục tiêu đào tạo học phần: Cung cấp các khái niệm cơ bản về cách tiếp cận hướng đối tượng và các mô hình hướng đối tượng. Phương pháp phân tích và thiết kế bài toán theo hướng đối tượng theo ngôn ngữ mô hình hóa thống nhất UML. Phương pháp thiết kế và đặc tả sơ đồ lớp, sơ đồ cộng tác, sơ đồ tuần tự,... thông qua

các khung nhìn khác nhau của hệ thống. Thực hành thành thạo cách thiết kế các sơ đồ trên phần mềm chuyên dụng.

– Tài liệu tham khảo:

[1]. Alan Dennis, Barbara Haley Wixom, David Tegarden (2015), *Systems Analysis and Design: An Object-Oriented Approach with UML, 5th Edition*, Wiley.

[2]. Craig Larman (2015), *An Introduction to Object-Oriented Analysis and Design and Iterative Development*, Pearson.

[3]. P.Krishna Sankar, N.P. Shangaranarayane (2016), *Object Oriented Analysis and design*, Anna University.

[4]. Samath Ramnath, Brahma Dathan (2011), *Object – Oriented Analysis and Design*, Springer.

[5]. Trần Minh Tùng(2017), *Bài giảng Phân tích và thiết kế hướng đối tượng*, Khoa Công nghệ Thông tin – Trường Đại học Tài chính - Marketing.

22) Quản trị Web.....3 Tín chỉ

– Tên tiếng Anh: **Web Management**

– Điều kiện tiên quyết: Lập trình web, cơ sở dữ liệu

– Mục tiêu đào tạo học phần: Cung cấp cho sinh viên cách thức thiết lập và cấu hình web server và app server, quản trị các dịch vụ mạng và máy chủ, quản trị người dùng và nhóm người dùng; quản trị nội dung web; quản lý tập tin và đĩa; chính sách bảo mật website; quản trị, bảo trì và theo dõi hoạt động của website.

– Tài liệu tham khảo:

[1]. Ashley Friedlein (2017), *Web Project Management: Delivering Successful Commercial Web Sites*.

[2]. Deane Barker, *Web Content Management*, O'Reilly Media

[3]. Justin Emond, Chris Steins (2017), *Pro Web Project Management*, APress.

[4]. Võ Xuân Thê, *Bài giảng Quản trị Web*, Khoa Công nghệ Thông tin – Trường Đại học Tài chính – Marketing.

23) Kiểm thử phần mềm3 Tín chỉ

- Tên tiếng Anh: **Software Testing**
- Điều kiện tiên quyết: Lập trình web, cơ sở dữ liệu
- Mục tiêu đào tạo học phần: Cung cấp cho sinh viên kiến thức về kiểm thử phần mềm, quy trình SCRUM, các trường hợp kiểm thử; cách sử dụng các công cụ kiểm thử kết hợp với qui trình kiểm thử phần mềm để kiểm thử các chức năng của phần mềm; lập Kế hoạch kiểm thử và tài liệu kiểm thử; Tổ chức và quản lý hoạt động kiểm thử phần mềm.
- Tài liệu tham khảo:
 - [1]. Adreas Spiller, Tilo Linz, Hans Schaefer (2014), *Software Testing Foundation*, Rocky Nook.
 - [2]. Đinh Xuân Thọ, *Bài giảng Kiểm thử phần mềm*, Khoa Công nghệ Thông tin – Trường Đại học Tài chính – Marketing.
 - [3]. Lisa Crispin, Janet Gregory (2016), *Agile Testing: a practical guide for testers and agile teams*, Addison - Wesley.
 - [4]. Tilo Linx (2014), *Testing in Scrum: A Guide for Software Quality Assurance in the Agile World*.

24) Phát triển hệ thống thông tin trên các framework3 Tín chỉ

- Tên tiếng Anh: **Information System Development on Frameworks**
- Điều kiện tiên quyết: Lập trình Web, Lập trình C#.NET
- Mục tiêu đào tạo học phần: Cung cấp cho sinh viên các framework thông dụng khi phát triển các ứng dụng trên các nền tảng công nghệ .NET, Java, Mobile App với các Web App Framework, Mobile App Framework và các hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server, Oracle, MySQL.

- Tài liệu tham khảo:

- [1]. Ashley Friedlein (2017), *Oracle Mobile Application Framework Developer Guide: Build Multiplatform Enterprise Mobile Apps*, Oracle Press.
- [2]. Chris Griffith (2017), *Mobile App Development with Ionic, Revised Edition: Cross-Platform Apps with Ionic, Angular, and Cordova*, O'Reilly Media.
- [3]. Phạm Thùy Tú, *Bài giảng Phát triển hệ thống thông tin trên các framework*, Khoa Công nghệ Thông tin – Trường Đại học Tài chính – Marketing.
- [4]. Sani Yusuf, Tom Bray, Ethan Holmes, Hazem Saleh (2016), *Mobile Application Development: JavaScript Frameworks*, Packt.
- [5]. Semmy Purewal (2014), *Learning Web App Development: Build Quickly with Proven JavaScript Techniques*, O'Reilly Media

12. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

12.1. Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo

- Sau khi kế hoạch đào tạo đã được phê duyệt. Khoa sẽ phối hợp với Phòng Quản lý Đào Tạo, Phòng Khảo thí và Quản lý Chất lượng và các Phòng, Ban khác tổ chức, triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo theo kế hoạch từng năm và học kỳ. Hàng năm Khoa sẽ xem xét hoàn chỉnh đề cương các học phần thuộc khoa quản lý trong các chuyên ngành của khoa, xây dựng các kế hoạch thực hành cho từng chuyên ngành và kế hoạch thực tập tốt nghiệp.
- Khoa chịu trách nhiệm phân công giáo viên giảng, mời chuyên gia, doanh nghiệp tham gia giảng dạy, theo dõi nội dung giảng dạy phù hợp với yêu cầu đề cương học phần. Tổ chức đánh giá kết quả học tập theo đúng quy chế của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo.
- Trong quá trình tổ chức thực hiện sẽ đề xuất những yêu cầu cần thiết về cơ sở vật chất và các phương tiện giảng dạy phục vụ cho quá trình đào tạo. Hoặc đề xuất những thay đổi về phương pháp giảng dạy thích nghi với tình hình thực tế.

12.2. Phương pháp đào tạo

Trọng số đánh giá học phần tất cả các học phần trong chương trình đào tạo:

- + Điểm quá trình: 50%.
- + Điểm thi kết thúc học phần: 50%.
- Điểm quá trình sẽ kết hợp nhiều hình thức kiểm tra: bài tập nhóm, bài tập về nhà, thảo luận, thuyết trình,...;
- Tất cả học phần cơ sở ngành và chuyên ngành có hình thức thi cuối kỳ là thi thực hành hoặc làm đề án môn học để đánh giá năng lực người học qua từng học phần;
- Các học phần thực hành nghề nghiệp và thực tập khóa luận tốt nghiệp sẽ đánh giá theo tiến độ và kết quả sinh viên làm được với sự tham gia đánh giá từ doanh nghiệp;
- Lập kế hoạch và tổ chức dự giờ đối với giảng viên;
- Khảo sát mức độ hài lòng của sinh viên đối với giảng viên sau khi kết thúc giảng dạy học phần;
- Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập được đặt dưới sự tổ chức của phòng Khảo thí và Quản lý Chất lượng kết hợp với phòng Thanh Tra Giáo dục của Nhà Trường để đảm bảo sự khách quan, công bằng đối với mọi sinh viên;
- Việc công bố kết quả môn học được thực hiện trên website của phòng Khảo Thí - Quản lý chất lượng trong thời gian ngắn nhất, đảm bảo sinh viên nhanh chóng biết được kết quả học tập của mình để chuẩn bị kế hoạch cho những học kỳ tiếp theo trong suốt khóa học;
- Tiến hành kiểm tra đánh giá chương trình đào tạo qua từng năm và khóa học;
- Tổ chức họp và đúc kết kinh nghiệm về nội dung và phương pháp đào tạo, rà soát lại mục tiêu, nội dung chương trình và cập nhật các học phần mới theo xu hướng phát triển khoa học và công nghệ mới để chương trình đào tạo ngày càng hoàn thiện và mang tính thực tiễn cao.

- Đánh giá kết quả học tập: đánh giá kết quả học tập sẽ theo yêu cầu từng môn học theo kế hoạch Khoa đã duyệt, phù hợp với quy chế của Bộ Giáo Dục – Đào tạo và các văn bản của Trường.

13. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ ĐÀO TẠO

13.1. Diện tích đất

Trường Đại học Tài chính - Marketing được xây dựng tại 6 cơ sở với tổng diện tích đất hiện có là 657.380 m² cụ thể:

- Cơ sở 2/4 Trần Xuân Soạn, phường Tân Thuận Tây, quận 7: 9.160 m²
- Cơ sở 2C Phổ Quang, phường 2, quận Tân Bình: 2.500 m².
- Cơ sở 306 đường Nguyễn Trọng Tuyển, phường 1, Q. Tân Bình: 444,6 m²
- Cơ sở 343/4 Nguyễn Trọng Tuyển, phường 1, quận Tân Bình: 148 m²
- Cơ sở 778 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận: 13.144 m²
- Cơ sở B2/1A Đường 385, P. Tăng Nhơn Phú A, Q.9, TP.HCM: 39.576 m²

13.2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo

✓ Số phòng làm việc phục vụ hoạt động đào tạo

Tổng số phòng làm việc được phân khu chức năng riêng biệt phục vụ cho các hoạt động đào tạo của Trường Đại học Tài chính - Marketing: 122 phòng.

✓ Số phòng học phục vụ hoạt động đào tạo

Tổng số phòng học phục vụ cho các hoạt động đào tạo của Trường Đại học Tài chính - Marketing: 214 phòng.

✓ Số phòng đọc, thư viện phục vụ hoạt động đào tạo

Tổng số phòng đọc và thư viện phục vụ cho các hoạt động đào tạo của Trường Đại học Tài chính - Marketing: 05 phòng.

✓ Số phòng máy tính phục vụ hoạt động đào tạo

Tổng số phòng máy tính phục vụ cho các hoạt động đào tạo của Trường Đại học Tài chính - Marketing: 22 phòng với tổng số 820 máy tính và 01 Trung tâm Lưu trữ và Quản lý dữ liệu. Trong đó có một số phòng máy được trang bị và đưa vào khai thác hơn 1 năm nên có cấu hình khá cao.

Bảng: Các phòng máy hiện nay của Nhà Trường

Phòng máy	Số lượng	Cấu hình	Ghi chú
PM02	30	HP prodesk 400 G4: Core i5-6600; 8GB(1x8GB) DDR3;500GB; HP 18.5-inch	Cơ sở Nguyễn Trọng Tuyển
PM05	40	Dell Intel Core i3 - 4130, 3.4GHz, 4GB, 500GB	Cơ sở Nguyễn Trọng Tuyển
PM08	30	HP prodesk 400 G4: Core i5-6600; 8GB(1x8GB) DDR3;500GB; HP 18.5-inch	Cơ sở Nguyễn Trọng Tuyển
Kho P04	40	FPT GA-H81-S1 Core i5 - 4460 (3.2Ghz) 4Gb DDR III, 500GB , LED 19,5"	Cơ sở quận 9
Kho P04	85	FPT GA-H81-S1 Core i5 - 4460 (3.2Ghz) 4Gb DDR III, 500 GB , LED 19,5"	Cơ sở quận 9
PM207	35	TACO Core i5 - 4450 , 8GB, 500GB,	Cơ sở quận 9

Phòng máy	Số lượng	Cấu hình	Ghi chú
		LED 18,5"	

✓ **Hội trường phục vụ hoạt động đào tạo**

Tổng số hội trường phục vụ cho các hoạt động đào tạo của Trường Đại học Tài chính - Marketing: 05 hội trường.

✓ **Sân thể thao đa năng, nhà thi đấu phục vụ hoạt động đào tạo**

Tổng số nhà thi đấu đa năng, khu thể thao phục vụ cho các hoạt động đào tạo của Trường Đại học Tài chính - Marketing: 04 phòng.

✓ **Khu ký túc xá phục vụ**

Trường Đại học Tài chính - Marketing có khu ký túc xá với diện tích 9.691 m² với sức chứa 2.500 sinh viên.

HIỆU TRƯỞNG



TS Hoàng Đức Long

KT. TRƯỞNG KHOA CNTT

PHÓ TRƯỞNG KHOA

ThS. Trần Minh Tùng



TS. Hoàng Văn Long